



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

► Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

► Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động



MỤC LỤC

I.	THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	05
II.	GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MWG	08
	1. Thông tin tổng quan	9.
	2. Quá trình hình thành và phát triển	10.
	3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14.
	4. Thông tin về mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	16.
	5. Định hướng phát triển	19.
	6. Các rủi ro	24.
III.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	26
	1. Tình hình hoạt động kinh doanh	27.
	2. Tổ chức và nhân sự	39.
	3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	44.
	4. Tình hình tài chính	47.
	5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.
	6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	53.
IV.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	67
	1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	68.
	2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	70.
	3. Tình hình tài chính	71.
	4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	72.
	5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	73.
V.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	74
	1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	75.
	2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	76.
	3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	76.
VI.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	77
	1. Hội đồng quản trị	78.
	2. Báo cáo Ủy ban Kiểm toán	83.
	3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban Kiểm toán	86.
VII.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	90



Nguyễn Đức Tài

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

I. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý khách hàng, Quý cổ đông và toàn bộ nhân viên của tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động

Lời đầu tiên, tôi xin dành để tri ân Quý khách hàng, Quý Cổ Đông vì niềm tin mà quý vị đã dành cho tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động (Tập đoàn MWG), đặc biệt khi cả thế giới trải qua cuộc khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử như năm 2020. Chúng tôi trân trọng niềm tin yêu khi quý vị chọn lựa mua sắm tại các chuỗi bán lẻ của Tập đoàn MWG hoặc bằng việc đầu tư chính đồng tiền của mình vào cổ phiếu MWG, và chúng tôi luôn nỗ lực không ngừng để đáp lại niềm tin đó.

Đại dịch Covid bắt đầu một cách bất ngờ vào cuối năm 2019 và tiếp tục diễn biến phức tạp cho đến nay đã tạo ra một cú sốc bất định cho mọi nền kinh tế và đời sống người dân toàn cầu. Bản đồ kinh tế thế giới chìm trong sắc đỏ của tăng trưởng âm, các quốc gia hùng mạnh nhất đang vùng vẫy chiến đấu để thoát khỏi suy thoái. Trong bối cảnh đó, bằng thành quả chống dịch tuyệt vời và nỗ lực duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định của chính phủ, Việt Nam đã thành công trong việc thực hiện “mục tiêu kép”, giữ được tốc độ tăng trưởng GDP gần 3% năm 2020 và có số người chết vì đại dịch trong nhóm thấp nhất trên thế giới. MWG biết ơn chính phủ vì đã làm hết sức và làm quá xuất sắc để bảo vệ sinh mệnh và sinh kế của nhân dân.

Ngoài một số lĩnh vực được hưởng lợi từ các gói kích thích kinh tế của nhà nước cũng như sự chuyển dịch trong chuỗi cung ứng toàn cầu, các ngành dịch vụ tiêu dùng nói chung (du lịch, hàng không, bán lẻ, nhà hàng – khách sạn...) đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng do thu nhập của người dân chịu tác động tiêu cực bởi dịch bệnh. Nhiều doanh nghiệp trong ngành ghi nhận kết quả kinh doanh sụt giảm hoặc thậm chí không giữ được lợi nhuận. Để tồn tại và vượt qua những ngày tháng phải tạm gián đoạn hoạt động kinh doanh, phối hợp chống dịch cùng cả nước thực hiện giãn cách xã hội, chúng tôi đã triển khai nhiều biện pháp tiết giảm chi phí vận hành như: đàm phán giảm giá thuê mặt bằng; điều chỉnh thu nhập theo nguyên tắc thu nhập càng cao thì điều chỉnh giảm càng nhiều (nhân sự từ cấp giám đốc trở lên tự nguyện làm việc mà không nhận thù lao); tối ưu năng suất nhân viên (bỏ qua những rào cản về tính chất công việc khác nhau, chấp nhận điều động nhân sự giữa các chuỗi trong Tập đoàn, từ nơi thừa sang nơi thiếu). Tôi rất trân trọng tinh thần tương thân tương ái, sự sẵn lòng gánh vác và vô cùng tự hào vì toàn thể nhân viên MWG đã yêu thương hỗ trợ lẫn nhau, đưa tinh thần đoàn kết lên cao nhất với mục tiêu: “Chung sức bảo vệ công ăn việc làm cho hơn 60 ngàn thành viên của Tập đoàn”.

Khi tình hình dịch bệnh phần nào được kiểm soát tại Việt Nam và nhiều doanh nghiệp trên thị trường bắt đầu loay hoay tái khởi động, CEO của các chuỗi thegioididong.com và Điện Máy Xanh là anh Đoàn Văn Hiếu Em cùng với Tổng Giám đốc là anh Trần Kinh Doanh – người trực tiếp “lèo lái” chuỗi Bách Hóa Xanh đã nhanh chóng nhận thấy “trong nguy có cơ” và đưa ra những quyết định táo bạo để MWG bút phá ngoạn mục trong nửa cuối năm 2020:

Mô hình Điện Máy Xanh Supermini (ĐMS) phát triển từ ý tưởng “đưa cửa hàng đi xa để khách hàng được phục vụ gần” được thử nghiệm lần đầu tiên vào tháng 6/2020 tại Tiền Giang để đáp ứng nhu cầu mua sắm điện thoại, điện máy của bà con vùng sâu, vùng xa. Dù diện tích chỉ khoảng từ 120 đến 150m² nhưng số lượng sản phẩm trưng bày tại ĐMS rất đa dạng, cùng với chính sách trả góp linh hoạt đã đáp ứng hầu hết nhu cầu của người dân vùng nông thôn - nơi mà những cửa hàng điện máy quy mô lớn và vừa chưa thể phủ đến. Cuối năm 2020, ĐMS đã phát triển thần tốc với 302 cửa hàng tại 61/63 tỉnh thành, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng đạt ổn định hơn 1 tỷ đồng/tháng.

Bluetronics là phiên bản nâng cấp của Bigphone tại Campuchia. Mô hình này được mở rộng dựa trên công thức thành công khi triển khai chuỗi Điện Máy Xanh tại Việt Nam với một số điều chỉnh để phù hợp văn hoá bản địa và thị hiếu mua sắm của người tiêu dùng nước bạn. Kết thúc năm 2020, Bluetronics có 37 cửa hàng hiện diện tại 8/25 tỉnh thành, là chuỗi cửa hàng bán lẻ thiết bị di động và sản phẩm điện tử tiêu dùng có mạng lưới lớn nhất tại Campuchia.

Chuỗi Bách Hóa Xanh đẩy mạnh chuyển đổi các điểm bán đang kinh doanh tốt và mở mới mô hình cửa hàng diện tích lớn từ 500m² trở lên với 6000-8000 lựa chọn hàng hóa, đa dạng không kém siêu thị song được bố trí tiện lợi nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm nhanh chóng của khách hàng. Một số cửa hàng được sắp xếp đi cùng với nhà thuốc An Khang để tận dụng số lượng khách hàng đông đảo đến tham quan và mua sắm tại Bách Hóa Xanh. Dù vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và chưa mang lại lợi nhuận, bằng việc tăng gấp đôi doanh số so với năm 2019 và đóng góp tới 20% tổng doanh thu của MWG, Bách Hóa Xanh đã trở thành động lực tăng trưởng chính không chỉ đối với Tập đoàn mà cho cả kênh cửa hàng bán lẻ hiện đại tại Việt Nam nói chung trong năm 2020.

Một lần nữa, đây là minh chứng cho khả năng thích ứng linh hoạt và năng lực thực thi vượt trội của đội ngũ MWG, luôn chủ động tìm kiếm cơ hội phát triển bất chấp điều kiện thị trường khó khăn và môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng. Chúng tôi đã vượt lên chính mình để tiếp tục duy trì chuỗi tăng trưởng dương về doanh thu và lợi nhuận trong suốt 16 năm hình thành và phát triển.

Không có gì là chắc chắn trong một thế giới mà dịch bệnh vẫn đang hoành hành và chưa có biện pháp kiểm soát nào chúng mình được hiệu quả một cách triệt để! Tuy vậy, với tiền đề là triển vọng kinh tế tích cực và nền tảng chính trị ổn định của Việt Nam, chúng tôi quyết tâm đưa MWG trở lại đà tăng trưởng hai chữ số, chinh phục mục tiêu doanh thu thuần 125.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4.750 tỷ đồng trong năm 2021.



Toàn thể nhân viên tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động đồng lòng, chung sức, máu lửa hướng tới hiện thực hóa một thập kỷ tăng trưởng mới cùng **“Tương lai MWG 2030”**:

- MWG 2030 là tập đoàn số 1 Đông Nam Á về bán lẻ, thương mại điện tử, và dịch vụ liên quan
- Được Khách Hàng tin yêu bởi sự phục vụ tận tâm và sản phẩm – dịch vụ vượt trội
- Mang lại cho Nhân Viên sự tử tế, niềm vui, sung túc và niềm tự hào
- Đóng góp to lớn vào Trách Nhiệm Xã Hội
- Là minh chứng cho vận hành có Integrity và nhân văn tại bất kỳ nơi nào mà MWG hiện diện.

Đây là MWG - niềm tự hào của Việt Nam!

Chân thành cảm ơn và kính chúc quý vị một năm mới nhiều niềm vui, thành công và bình an!

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MWG

1. THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên giao dịch
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
0306731335
do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp ngày 16 tháng
1 năm 2009.

Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2020):
4.532.099.870.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2020):
15.481.689.846.432 đồng

Địa chỉ trụ sở chính:
**222 Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu
Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
Văn phòng hoạt động tại
**Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ
cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Số điện thoại:
(84.28) 38 125 960

Số fax:
(84.28) 38 125 961

Website: **www.mwg.vn**

Mã cổ phiếu: **MWG**

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 
- A vertical timeline on the left side of the page, with years 2004, 2007, 2010, 2011, 2012, 2014, and 2015 listed in large orange font. A thin black vertical line runs through the center of the timeline, with colored dots (orange, purple, blue, green, purple, blue, red) marking the years. To the right of the line, bullet points in grey text describe the company's milestones for each year.
- 2004**
 - 03/2004 - Công ty TNHH Thế Giới Di Động được thành lập.
 - 10/2004 - Khai trương siêu thị điện thoại thegioididong.com đầu tiên tại 89a, Nguyễn Đình Chiểu, Tp.HCM.
 - Dịch vụ khách hàng và website: vwww.thegioididong.com đã được chăm chút ngay từ những ngày đầu tiên.
 - 2007**
 - Chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, mở rộng cơ hội phát triển.
 - 2010**
 - Phát triển vượt bậc với sự ra đời liên tiếp của các siêu thị thegioididong.com trên khắp mọi miền của đất nước. Cuối năm 2010, hệ thống chuyên bán lẻ các thiết bị điện máy, điện gia dụng Điện Máy Xanh ra đời.
 - 2011**
 - Cuối năm 2011, đạt số lượng 200 siêu thị, tăng 5 lần so với năm 2010.
 - 2012**
 - 03/2012, khai trương siêu thị điện thoại tại Bắc Giang, thegioididong.com trở thành hệ thống bán lẻ thiết bị di động đầu tiên và duy nhất có mặt tại tất cả 63 tỉnh thành trên cả nước.
 - Điện Máy Xanh đã có mặt tại 9 tỉnh thành với số lượng 12 siêu thị.
 - 2014**
 - Ngày 14/07/2014, niêm yết thành công 62.723.171 cổ phiếu với mã cổ phiếu MWG.
 - Số lượng siêu thị tăng 60%, lợi nhuận sau thuế tăng 160% so với năm 2013.
 - 2015**
 - Chuỗi Điện Máy Xanh trở thành chuỗi bán lẻ điện máy có số lượng siêu thị nhiều nhất Việt Nam, phủ sóng 43/63 tỉnh thành.
 - Cuối năm 2015, công ty bắt đầu giai đoạn thử nghiệm chuỗi siêu thị mini bán hàng tiêu dùng Bách Hóa Xanh.

2016

- Chuỗi thegioididong.com tiếp tục thống lĩnh và nâng cao thị phần với gần 900 siêu thị.
- Điện Máy Xanh đã trở thành nhà bán lẻ điện máy đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam phủ sóng 63/63 tỉnh thành vào tháng 7/2016 với hơn 250 siêu thị.
- Chuỗi siêu thị Bách Hóa Xanh có 40 siêu thị.
- Kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 47% so với 2015.
- Giá trị doanh nghiệp đạt 1 tỷ đô la vào cuối năm 2016.

2017

- Thegioididong.com duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Chuỗi Điện Máy Xanh tạo dấu ấn mạnh mẽ trong việc mở rộng, kết thúc năm 2017 với hơn 640 siêu thị toàn quốc.
- Chuỗi siêu thị Bách Hóa Xanh tăng tốc với gần 300 cửa hàng vào cuối năm 2017.
- Mở cửa hàng Bigphone đầu tiên tại Campuchia.

2018

- Thegioididong.com và dienmayxanh.com thống lĩnh thị trường Việt Nam với 45% thị phần điện thoại và 35% thị phần điện máy.
- Bách Hóa Xanh có một bước tiến mạnh mẽ trong việc mở rộng khắp các quận huyện tại TP. HCM và các tỉnh lân cận, chính thức đạt điểm hòa vốn EBITDA ở cấp cửa hàng.
- Hoàn tất việc mua chuỗi bán lẻ điện máy Trần Anh.
- Hoàn tất việc đầu tư cổ phần thiểu số tại Công ty bán lẻ An Khang - Đơn vị vận hành chuỗi nhà thuốc An Khang.

2019

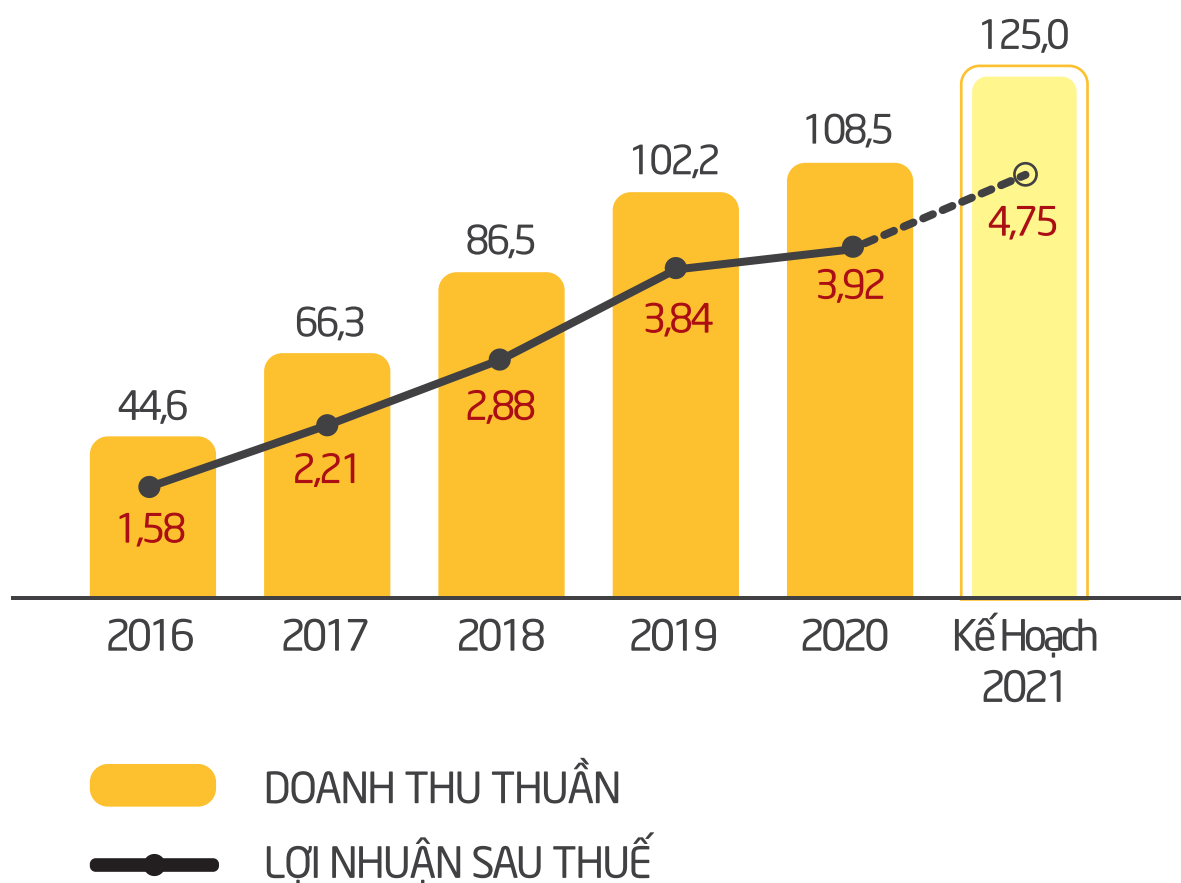
- Chuỗi Thế Giới Di Động có 996 cửa hàng, chuỗi Điện Máy Xanh có 1018 cửa hàng.
- Kinh doanh thêm ngành hàng đồng hồ thời trang và đẩy mạnh bán lẻ máy tính xách tay để tăng thị phần.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh mở rộng mạnh mẽ thêm 600 điểm bán, nâng tổng số cửa hàng Bách Hóa Xanh lên 1.008.
- Cuối năm 2019, cửa hàng bán lẻ điện máy đầu tiên được đưa vào thử nghiệm tại Campuchia.

2020

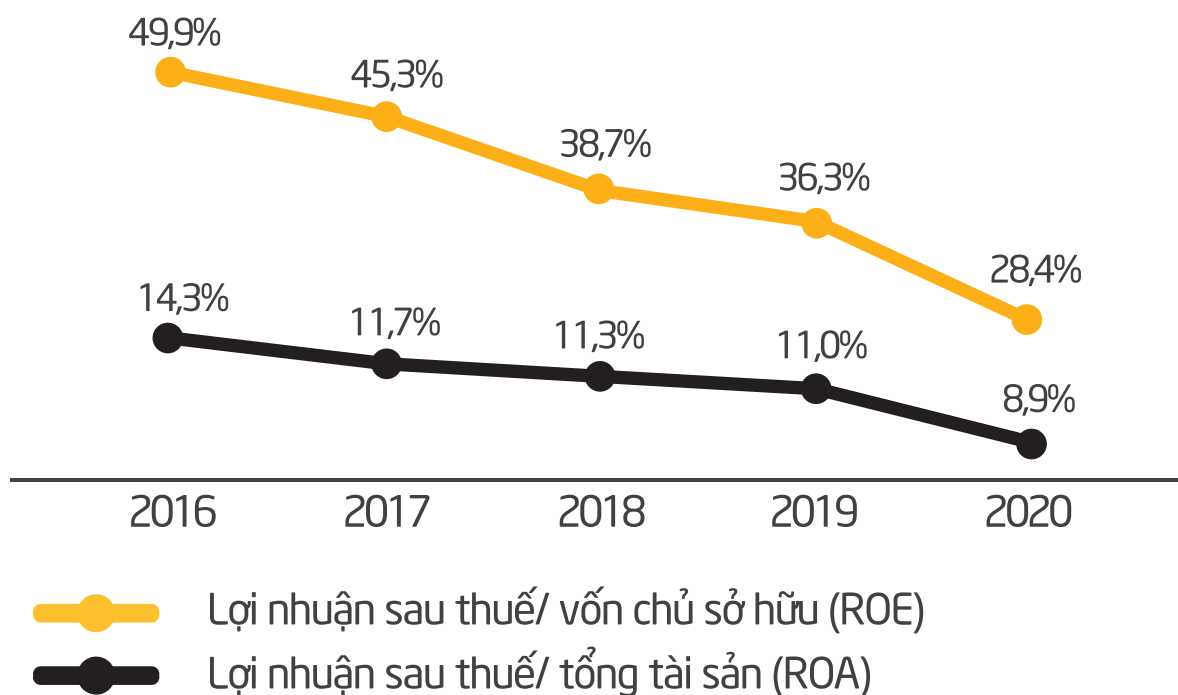
- Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh tiếp tục củng cố vị thế số 1 về bán lẻ thiết bị công nghệ và điện tử tiêu dùng, liên tục mở rộng khoảng cách với các nhà bán lẻ khác.
- Mô hình cửa hàng siêu nhỏ - Điện Máy Xanh Supermini (ĐMS) - được đưa vào thử nghiệm từ giữa năm 2020 và phát triển thần tốc chuỗi với 302 cửa hàng tại 61/63 tỉnh thành vào cuối năm để phục vụ người dân khu vực nông thôn Việt Nam.
- Bluetronics trở thành nhà bán lẻ số 1 về điện thoại và điện máy tại Campuchia với 37 cửa hàng.
- Bách Hóa Xanh lọt vào Top 3 chuỗi bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng lớn nhất tại Việt Nam với 1.719 cửa hàng.
- Thử nghiệm mô hình 4KFarm (chuyển giao công nghệ và hỗ trợ nông dân trồng rau an toàn 4 "Không").

THÀNH QUẢ 5 NĂM GẦN ĐÂY

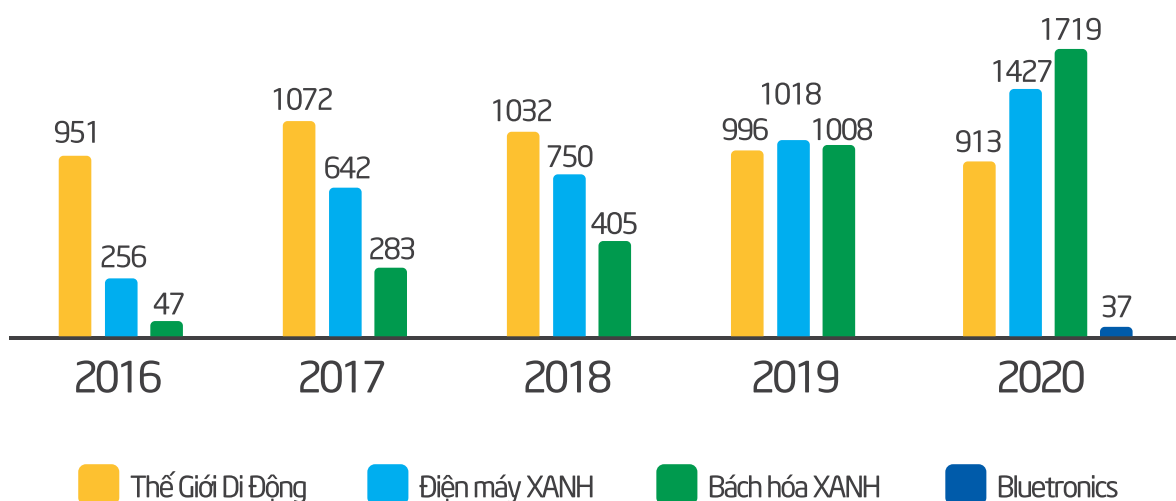
DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2016-2020 (ngàn tỷ đồng)



KHẢ NĂNG SINH LỜI



SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG LIÊN TỤC TĂNG QUA CÁC NĂM



3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm 2020 của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại với thương hiệu Thế Giới Di Động, các mặt hàng điện máy với thương hiệu Điện Máy Xanh và các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác với thương hiệu Bách Hóa Xanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) hiện đang vận hành các chuỗi bán lẻ bao gồm: thegioididong.com, Điện Máy Xanh (dienmayxanh.com), Bách Hoá Xanh (bachhoaxanh.com), Bluetronics.

THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Thành lập năm 2004, từ mô hình Thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay Thế Giới Di Động đã phát triển thành hệ thống siêu thị rộng khắp và trở thành nhà bán lẻ điện thoại số 1 Việt Nam.

Các siêu thị có diện tích từ 100-200m² được trang bị hiện đại chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop và phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng...

Cuối năm 2020, Thế Giới Di Động tiếp tục khẳng định vị thế đầu ngành với 913 siêu thị trên toàn quốc.

ĐIỆN MÁY XANH

Cuối năm 2010, hệ thống bán lẻ điện máy với thương hiệu dienmay.com ra đời.

Tháng 5/2015, dienmay.com chính thức được đổi tên thành Siêu thị Điện Máy Xanh. Mỗi siêu thị có diện tích từ 500 -1.000 m², kinh doanh chủ yếu các sản phẩm điện gia dụng và kỹ thuật số như: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lạnh, lò vi sóng, gia dụng; điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng...

Tháng 7/2016, Điện Máy Xanh hoàn tất việc phủ sóng tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc. Bên cạnh đó, layout Điện Máy Xanh mini với diện tích từ 300 – 400 m² ra đời cũng giúp đưa Điện Máy Xanh đến gần hơn với khách hàng và dễ dàng tăng tốc trong quá trình mở rộng.

Tháng 6/2020, mô hình Điện Máy Xanh Supermini (ĐMS) ra đời với diện tích mỗi cửa hàng từ 120 đến 150m², cung cấp khoảng 60% danh mục các sản phẩm điện thoại – điện máy cơ bản, với đầy đủ các dịch vụ hậu mãi, hướng đến phục vụ khách hàng ở khu vực nông thôn, đi sâu vào những tuyến huyện - xã chưa có sự xuất hiện của các cửa hàng điện máy hiện đại. Chỉ trong vòng hơn 6 tháng, ĐMS đã phát triển thần tốc với 302 cửa hàng tại 61/63 tỉnh thành.

Tính tới cuối năm 2020, chuỗi Điện Máy Xanh có 1.427 siêu thị trên toàn quốc.

BLUETRONICS

Tiền thân là Bigphone, chuỗi bán lẻ thiết bị điện thoại, phụ kiện và dịch vụ viễn thông tại Campuchia được thành lập từ năm 2017. Sau hơn 3 năm thành lập, chuỗi đã có 18 cửa hàng, tập trung tại thủ đô Phnôm Pênh, ngày càng nhận được sự đón nhận từ khách hàng địa phương.

Trong tháng 12/2019, cửa hàng điện máy đầu tiên Bigphone+ đã được ra mắt tại Campuchia và cũng được đổi tên thành Bluetronics sau đó.

Tính tới cuối năm 2020, Bluetronics có mặt tại 8/25 tỉnh thành tại Campuchia với tổng số 37 cửa hàng chuyên bán lẻ thiết bị di động và sản phẩm điện máy chính hãng, với dịch vụ hậu mãi chất lượng và kết hợp với các tổ chức tài chính tiêu dùng để bán hàng trả góp, những điều mà người tiêu dùng tại thị trường này chưa hề được trải nghiệm khi mua tại cửa hàng nhỏ lẻ.

BÁCH HÓA XANH

Cửa hàng Bách Hóa Xanh đầu tiên chính thức có mặt trên thị trường vào cuối năm 2015, tập trung kinh doanh rau củ quả, hàng tươi sống và FMCGs với tiêu chí Mua NHANH – Mua RẺ.

Đến cuối năm 2016, Bách Hóa Xanh hoàn tất giai đoạn thử nghiệm đầu tiên với hơn 40 siêu thị tập trung tại khu vực quận Tân Phú, Bình Tân, TP. HCM, đạt doanh thu khả quan và nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng.

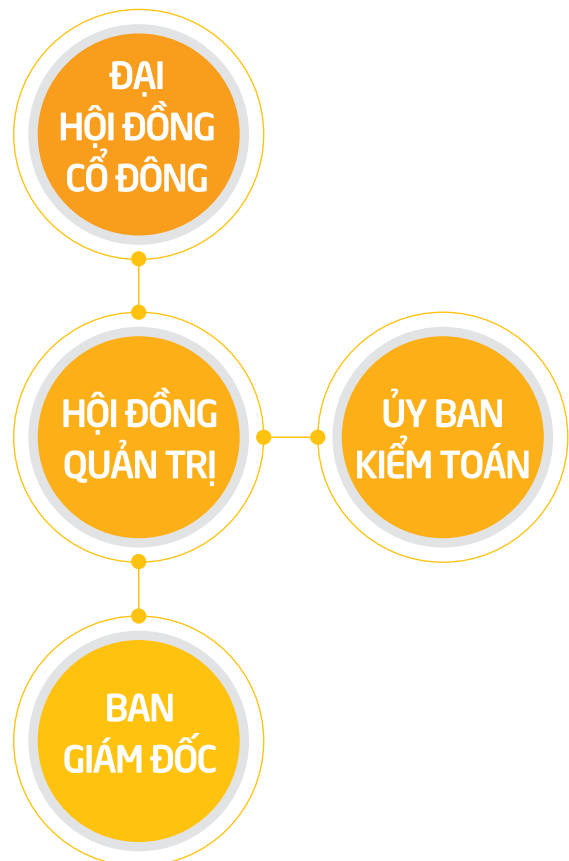
Năm 2018, Bách Hóa Xanh đã tìm ra “Công thức chiến thắng” nhờ những thay đổi chiến lược ở vị trí mở cửa hàng và danh mục sản phẩm kinh doanh, chú trọng hướng đến thực phẩm tươi sống.

Bách Hóa Xanh kết thúc năm 2020 với 1.719 cửa hàng, tập trung tại Tp.HCM và 24 tỉnh thành thuộc khu vực Nam Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.

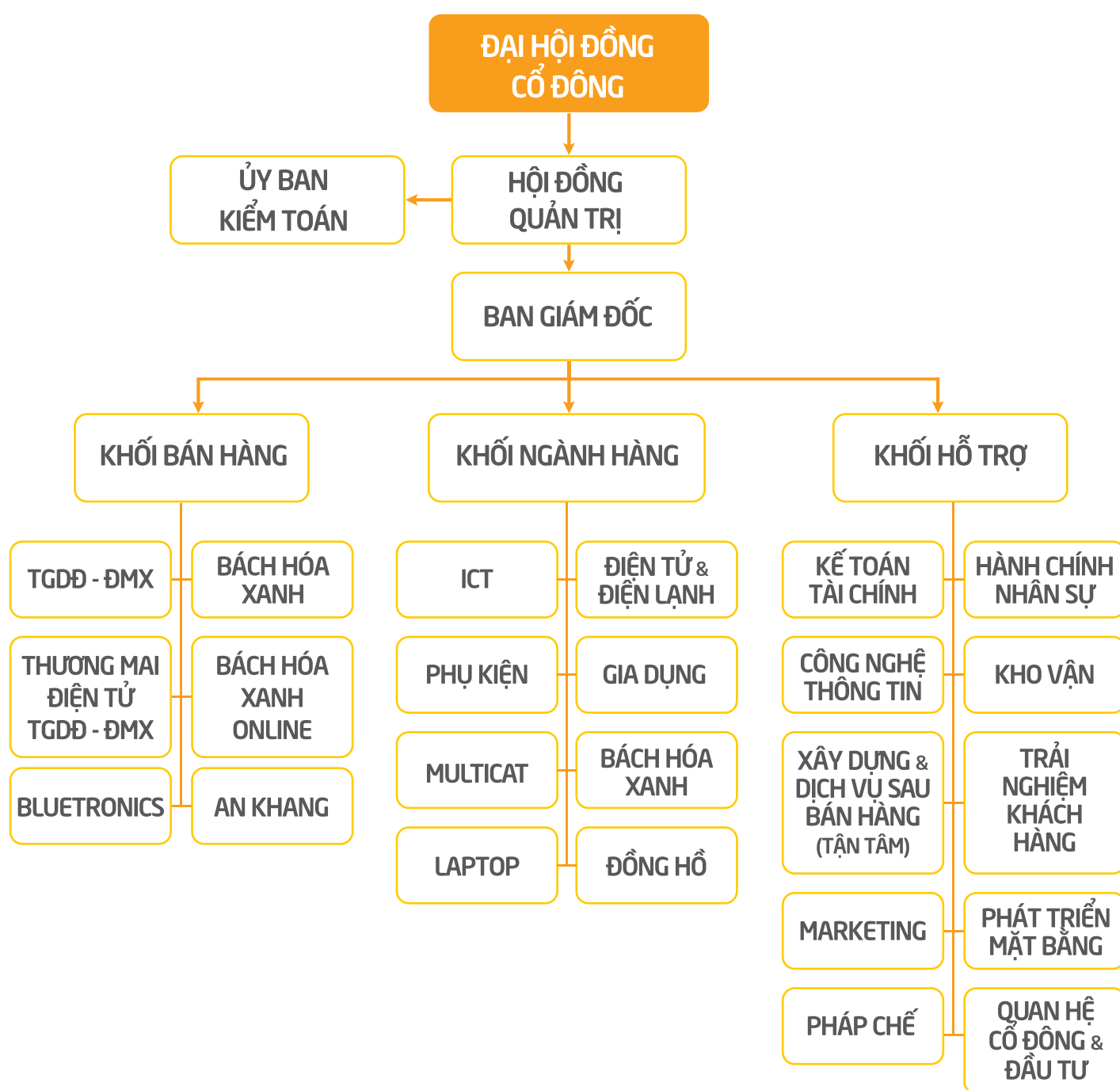
4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của MWG theo quy định tại Điểm b, Điều 137 Luật Doanh Nghiệp, bao gồm Đại Hội Cổ Đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc và có Ủy Ban Kiểm Toán thuộc Hội đồng quản trị.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN KẾT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 6 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Nhóm Công ty và 1 công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH

Địa chỉ: 128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại thực phẩm
Vốn thực góp: 9.627 tỷ
Tỷ lệ sở hữu: 99,95%

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Địa chỉ: Lô T2-1.2 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, P. Tân Phú, Q9, TP. Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh: Công nghệ thông tin
Vốn thực góp: 538 tỷ
Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ LẮP ĐẶT SỬA CHỮA - BẢO HÀNH TẬN TÂM

Địa chỉ: S128 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh: Sửa chữa máy móc, thiết bị
Đầu tư gián tiếp
Tỷ lệ sở hữu: 99,95%

01

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Địa chỉ: 128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại sản phẩm điện tử
Vốn thực góp: 2.827 tỷ
Tỷ lệ sở hữu: 99,95%

02

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại sản phẩm điện tử
Vốn thực góp: 861 tỷ
Tỷ lệ sở hữu: 99,95%

03

04

MWG (CAMBODIA) CO., LTD

Địa chỉ: 8, 245, Phum 13, Tonle Basak, Chamkar Mon, Phnom Penh, 12301, Cambodia
Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại thực phẩm
Đầu tư gián tiếp
Tỷ lệ sở hữu: 99,95%

05

06

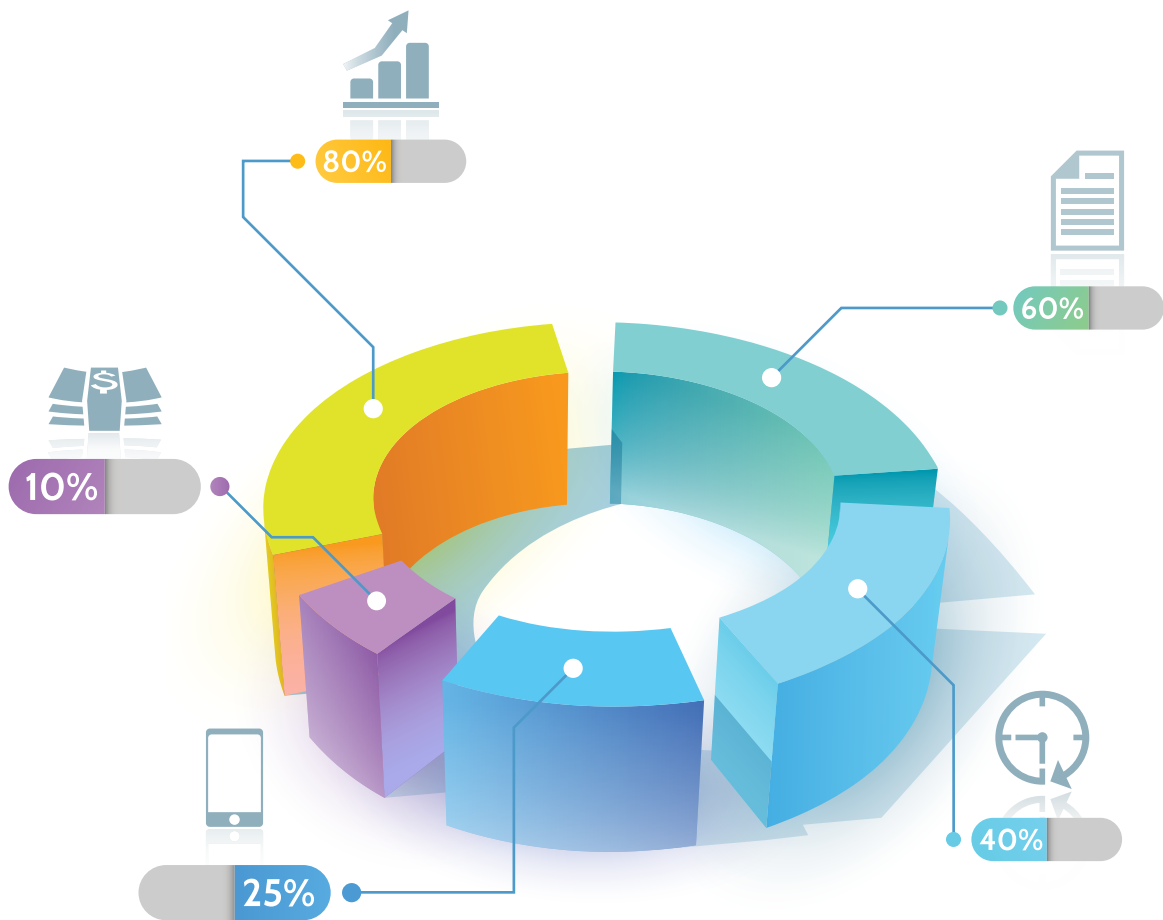
CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ AN KHANG

Địa chỉ: S128 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh: Bán lẻ dược phẩm
Vốn thực góp: 62 tỷ
Tỷ lệ sở hữu: 49%

07

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN MWG 2030



MWG là tập đoàn bán lẻ, thương mại điện tử và dịch vụ liên quan số 1 Đông Nam Á.

Được tin yêu bởi sự phục vụ tận tâm và sản phẩm - dịch vụ vượt trội.

Mang lại cho nhân viên sự tử tế, niềm vui, sung túc và niềm tự hào.

Đóng góp to lớn vào trách nhiệm xã hội.

Là minh chứng cho vận hành có integrity và nhân văn tại bất kỳ nơi nào mà MWG hiện diện.

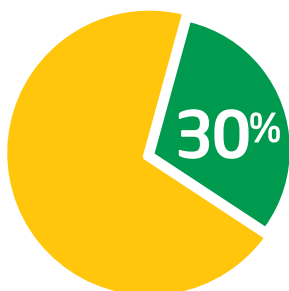
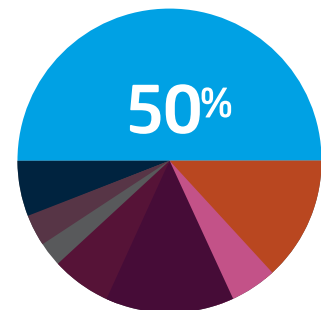
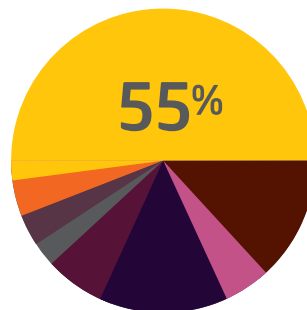
"Đây là MWG, niềm tự hào của Việt Nam"

GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA NHÂN VIÊN MWG

- Tận tâm với khách hàng
- Làm đúng cam kết và nhận trách nhiệm
- Yêu thương và hỗ trợ đồng đội
- Trung thực về tiền bạc và các mối quan hệ
- Máu lửa trong công việc

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

TGDD & ĐMX: Tiếp tục gia tăng thị phần, củng cố vị trí số 1 với 55% thị phần điện thoại và 50% thị phần điện máy (cuối 2022).

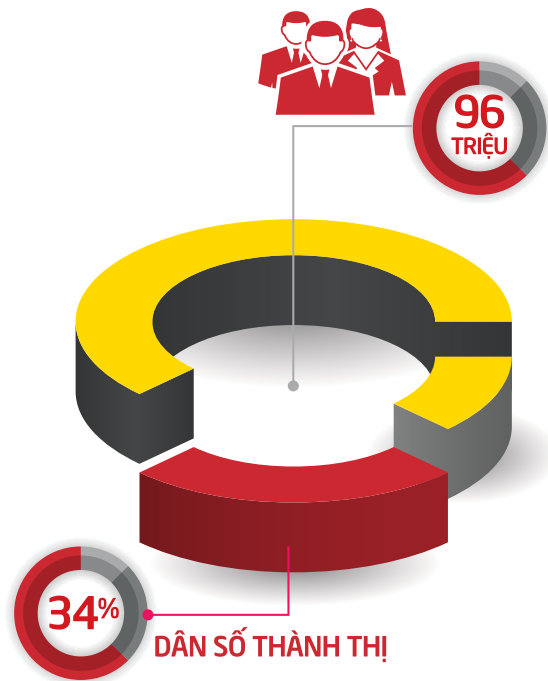


BHX: Mở rộng mạng lưới cửa hàng, tăng độ phủ, tăng thị phần và cải thiện biên lợi nhuận. Năm 2022, BHX dự kiến đóng góp trên 30% tổng doanh thu của MWG

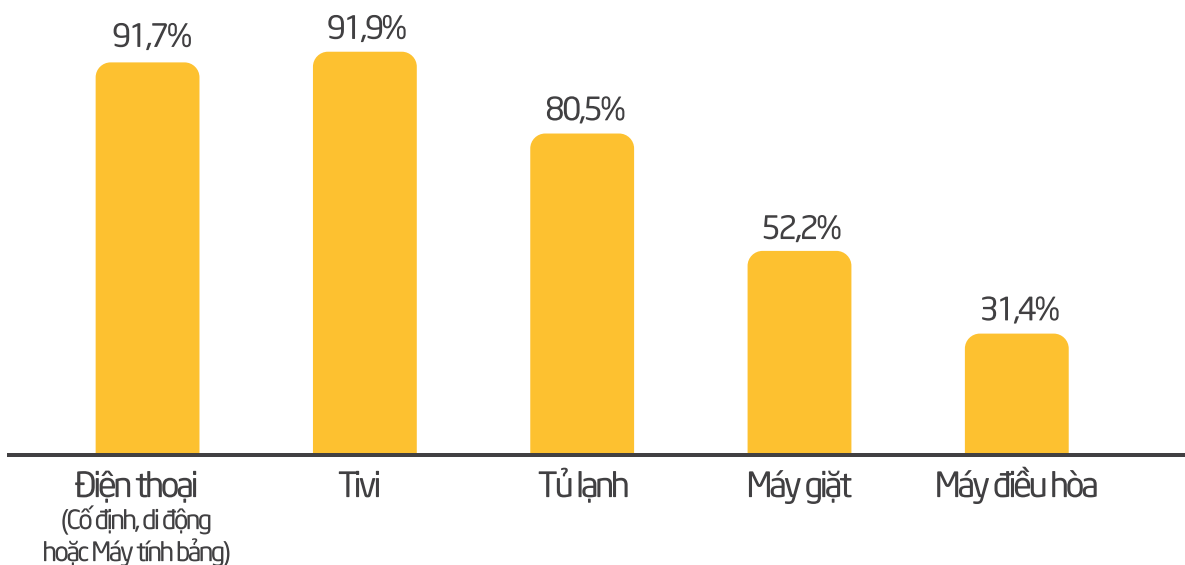
TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA MWG

QUY MÔ DÂN SỐ:

Hơn 96 triệu dân với cơ cấu dân số trẻ cùng với tỷ lệ dân số thành thị hơn 34% và tiếp tục tăng trưởng là động lực gia tăng giá trị thị trường bán lẻ ở Việt Nam.



Tỷ Lệ Hộ Gia Đình Sở Hữu Các Sản Phẩm Chính Tại Việt Nam



Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 – Tổng Cục Thống Kê (GSO)



NHÓM SẢN PHẨM ĐIỆN THOẠI

Các hãng điện thoại lớn nắm bắt tốt tâm lý người tiêu dùng nên không ngừng cải tiến và liên tục ra mắt các sản phẩm mới. Việc ứng dụng mạng 5G trong thời gian tới cũng như việc gỡ bỏ sóng 2G sẽ kích thích nhu cầu thay mới điện thoại trong thời gian tới. Nhiều chính sách trả góp linh hoạt, đơn giản giúp khách hàng dễ dàng sở hữu sản phẩm yêu thích.



NHÓM SẢN PHẨM ĐIỆN MÁY

Tỷ lệ hộ gia đình sở hữu các sản phẩm điện máy vẫn còn tiềm năng tiếp tục tăng trưởng. Bên cạnh đó, các hãng liên tục cho ra mắt các sản phẩm IOT (Internet of things) mới, giúp làm tăng giá trị thị trường.

40% thị phần điện máy tại Việt Nam vẫn đang thuộc về các cửa hàng nhỏ lẻ, do đó đây là cơ hội cho MWG tiếp tục gia tăng thị phần trong các năm tới bằng cách nhân rộng mô hình Điện Máy Xanh Supermini.



NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM & FMCGs

Thị trường bán lẻ truyền thống vẫn chiếm khoảng 90% tổng giá trị bán lẻ thực phẩm và FMCGs tại Việt Nam và là cơ hội cho các doanh nghiệp mô hình bán lẻ hiện đại sớm gia nhập thị trường như Bách Hóa Xanh tiếp tục gia tăng thị phần trong thời gian tới.

Quy mô thị trường thực phẩm và FMCGs ở Việt Nam ước tính hơn 60 tỷ đô và tiếp tục tăng trưởng nhờ nhiều sản phẩm mới được sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiện lợi của người tiêu dùng. Việc tập trung phát triển mảng kinh doanh có giá trị thị trường lớn và còn tiềm năng tăng trưởng giúp công ty duy trì tốc độ tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo.

KÊNH BÁN LẺ ONLINE

Tỷ lệ sử dụng internet và các thiết bị di động tại Việt Nam đã ở mức cao, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các công cụ thanh toán online là cơ sở để MWG tiếp tục tập trung phát triển thị trường bán lẻ online. Với lợi thế của một doanh nghiệp bán lẻ đã có hệ thống cửa hàng rộng khắp, MWG có cơ hội tăng trưởng mảng online rất lớn nhờ tận dụng mô hình đa kênh (Omni-channel)



6. CÁC RỦI RO

Với tính chất hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán lẻ điện thoại di động, điện máy, thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) MWG có các rủi ro chính sau:

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

RỦI RO BẢO HÒA NGÀNH

Tốc độ tăng trưởng ngành bán lẻ điện thoại, điện máy trong nước ngày càng chậm lại gây ra thách thức lớn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng của Công ty.

Để gia tăng thị phần, công ty luôn chủ động trong việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm điện thoại, điện máy để khách hàng có thêm nhiều lựa chọn. Bên cạnh đó, công ty cũng tập trung phát triển ngành hàng mới là thực phẩm và hàng tiêu dùng nhanh. Đây là thị trường có quy mô ước tính hơn 60 tỷ đô, cao hơn rất nhiều so với tổng quy mô hơn 10 tỷ đô của 2 ngành điện thoại điện máy. Ngoài việc tăng số lượng các mặt hàng mới, công ty cũng chủ động tiếp cận các khách hàng mới và thị trường nước ngoài.

RỦI RO CẠNH TRANH VỚI CÁC NHÀ BÁN LẺ KHÁC

Với việc Việt Nam tham gia ngày càng nhiều vào các hiệp định kinh tế thế giới, các điều kiện để giới hạn đầu tư của các doanh nghiệp bán lẻ nước ngoài vào Việt Nam đang dần được dỡ bỏ. Do đó số lượng các doanh nghiệp bán lẻ lớn từ nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam ngày càng tăng, gây áp lực cạnh tranh lên MWG, đặc biệt khi các doanh nghiệp đối thủ có điều kiện kinh tế hùng mạnh sẵn sàng chịu lỗ trong ngắn hạn để tạo nên cuộc chơi cạnh tranh về giá không cân sức.

MWG vẫn duy trì triết lý kinh doanh đặt khách hàng lên hàng đầu, duy trì chất lượng phục vụ tốt nhất cho khách hàng để duy trì độ trung thành của khách hàng cũ cũng như tiếp cận các khách hàng mới. Ngoài ra, Công ty đang nỗ lực thay đổi các giao diện bán hàng online trên website và các ứng dụng trên điện thoại nhằm tăng sự tiện dụng cho khách hàng khi mua hàng. Các chính sách bán hàng cho từng sản phẩm cũng được linh động điều chỉnh để phù hợp với thị trường.

RỦI RO VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Tỷ giá không ổn định, rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập khả dụng của người tiêu dùng trong tương lai. Đây là rủi ro khó kiểm soát nhất đối với MWG.

MWG sẽ nỗ lực giảm thiểu ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh bằng các biện pháp tài chính và dự phòng rủi ro. Đối với các biến động kinh tế vĩ mô bất thường cũng như thiên tai và dịch bệnh, Công ty thường xuyên theo dõi và có các kịch bản ứng phó phù hợp với từng hoàn cảnh và kịp thời.

RỦI RO PHÁP LÝ

RỦI RO KIẾN TỤNG

Khả năng bị đưa lên tòa án vì một cá nhân thuộc công ty hoặc công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ không đúng như cam kết ban đầu.

Công ty có các biện pháp xác định và giảm thiểu rủi ro kiện tụng, điển hình như đảm bảo an toàn sản phẩm và tuân theo tất cả các luật và qui định phù hợp.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

RỦI RO GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Ngành hàng điện thoại, điện máy

Khi một model mới tung ra thị trường thì giá bán model cũ sẽ giảm xuống. Nếu doanh nghiệp không kiểm soát tốt hàng tồn kho thì sẽ không được nhà sản xuất bảo vệ giá cho hàng tồn kho quá hạn của model cũ này.

MWG đã xây dựng hệ thống ERP ưu việt để theo dõi đường đi của từng sản phẩm theo IMEI (nhập xuất đích danh) để bảo đảm kiểm soát FIFO chặt chẽ và toàn bộ hàng tồn kho được nhà sản xuất bảo vệ giá.

Ngành hàng thực phẩm, FMCGs

Bước qua lĩnh vực mới kinh doanh thực phẩm tươi sống, hàng tiêu dùng (FMCG) với dòng đời sản phẩm ngắn và rất ngắn. Thực phẩm tươi sống (rau) chỉ có thể bảo quản đến 21:00 mỗi ngày, trái cây giữ thêm tối đa 1-2 ngày. Nếu doanh nghiệp không kiểm soát được tỉ lệ hư hỏng ở mức thấp nhất có thể chấp nhận được, thì thiệt hại về giảm giá hàng tồn kho sẽ khá cao.

MWG xây dựng hệ thống ERP quản lý hạn sử dụng của các mặt hàng tiêu dùng (FMCG), báo cáo chính xác thời gian sử dụng còn lại từng sản phẩm từ đó có các biện pháp xử lý kịp thời lượng tồn kho.

Đối với thực phẩm tươi sống, doanh nghiệp đang xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm duy trì tỉ lệ hư hỏng ở mức thấp nhất để tối thiểu hóa thiệt hại giảm giá tồn kho.

RỦI RO MẤT HÀNG HÓA TẠI SIÊU THỊ

Với hệ thống kiểm soát FIFO chặt chẽ sẽ cảnh báo ngay tức thì bất kỳ sản phẩm nào nhập vào siêu thị trước nhưng không được bán ra trước. Và cũng với hệ thống kiểm soát hiện đại này, mọi quy trình kiểm kê định kỳ hay đột xuất đều phát hiện sớm nhất những mất mát tại siêu thị. Khi có mất mát (dù tỷ lệ rất thấp) thì luôn có ai đó phải chịu trách nhiệm bồi thường (cá nhân hoặc tập thể siêu thị).

RỦI RO QUẢN TRỊ CON NGƯỜI

Số lượng nhân viên ngày càng tăng dẫn đến vấn đề quản trị về con người trở nên khó khăn hơn, ví dụ điển hình là việc mất hàng hàng hóa do lòng tham của nhân viên, gian lận trong việc lựa chọn đối tác cung cấp sản phẩm, hưởng lợi từ việc chọn đơn vị cho thuê mặt bằng, chảy máu chất xám.

MWG đã và đang tiến hành hàng loạt các biện pháp để việc quản trị con người trở nên dễ dàng hơn như (i) xây dựng văn hóa trung thực cho toàn thể nhân viên; (ii) xây dựng cơ chế lương thưởng phù hợp; (iii) xây dựng đội ngũ kiểm soát nội bộ hỗ trợ IT kiểm tra định kỳ, ngăn ngừa bất thường; (iv) xây dựng chính sách cụ thể với bên thứ 3 như nhà cung cấp hàng hóa, chủ nhà cho thuê hay khách hàng.

RỦI RO AN NINH MẠNG CỦA KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Việc phát triển thần tốc của Công ty đòi hỏi nguồn lực rất lớn từ đội ngũ nhân sự Công nghệ thông tin. Để đáp ứng nhu cầu người dùng, khối Công nghệ thông tin của Công ty đã tập trung xây dựng và hoàn tất quy trình một cách nhanh chóng. Việc đi nhanh đồng nghĩa với việc thời gian đánh giá quy trình hoạt động về mặt IT, rủi ro an ninh mạng còn hạn chế.

Để đảm bảo hệ thống vận hành trơn tru và độ bảo mật cao, Công ty đã có các biện pháp như sau: (i) Xây dựng trung tâm điều hành An Ninh Mạng; (ii) Tăng cường việc rà soát toàn bộ máy chủ của Công ty; (iii) Định kỳ làm sạch toàn bộ server; (iv) Rà soát lại quy trình phát triển phần mềm.

III.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VỊ THẾ VÀ QUY MÔ

Top 10

Doanh nghiệp
lớn nhất Việt Nam
theo bảng xếp hạng
VNR500

Giữ vững vị thế
nhà bán lẻ
số 1 Việt Nam
với khoảng cách
vượt trội so với
DN cùng ngành

Là công ty có
**doanh số
lớn nhất**
trong tổng giá trị
thị trường bán lẻ
hàng hóa trực tuyến
tại Việt Nam

Là công ty Việt Nam
duy nhất
lọt vào **Top 100**
nhà bán lẻ hàng đầu
châu Á - Thái Bình Dương

Xếp **thứ 6**
trong top 10
doanh nghiệp bán lẻ
có doanh số lớn nhất
Đông Nam Á

Số lượng nhân sự
đạt hơn
70,000 người
vào cuối năm 2020

Quy mô hơn **4.000 cửa hàng**.
Trong đó, chuỗi **Điện Máy Xanh** vượt mốc
1.400 cửa hàng và chuỗi **Bách Hóa Xanh**
vượt mốc **1.700 cửa hàng** vào cuối
tháng 12/2020





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

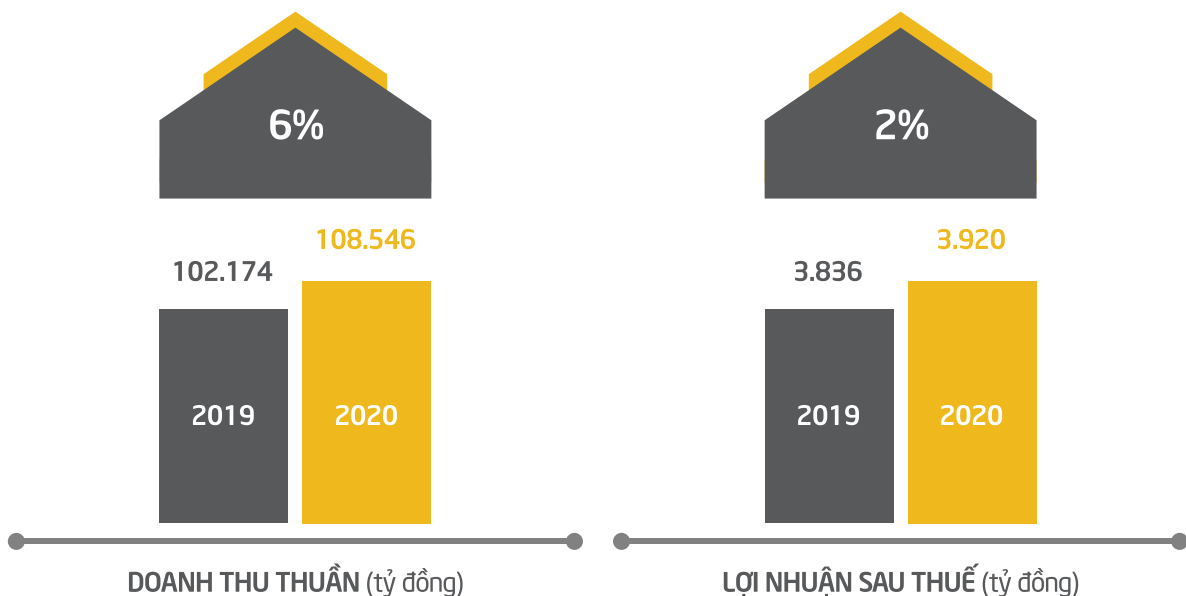
Những Kết Quả Nổi Bật Năm 2020

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh toàn cầu cùng với tình hình thiên tai liên tục diễn ra tại Việt Nam. Bất chấp các khó khăn, MWG tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng 6% doanh thu đạt 108.546 tỷ đồng, và tăng trưởng 2% LNST đạt 3.920 tỷ đồng so với 2019.

Đặc biệt trong suốt giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, chưa một tháng nào Công ty phải ghi nhận lỗ. Đây là điểm khác biệt lớn của MWG với các doanh nghiệp cùng ngành, thể hiện nền tảng tài chính tốt, sự bền vững, cũng như tinh thần chiến đấu kiên cường của toàn thể nhân viên. Trong nửa sau năm 2020, khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và nền kinh tế phần nào hoạt động bình thường trở lại, MWG đã triển khai thần tốc hàng loạt dự án mới như chuỗi ĐMX supermini, Bluetronics Campuchia, mô hình BHX diện tích lớn hơn 500 m². Nhờ sự bứt phá này, Công ty ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận ròng 10% trong 6 tháng cuối năm so với cùng kỳ.

Để đạt được kết quả như trên, ngoài nỗ lực tối ưu chi phí, việc cải thiện biên lợi nhuận gộp có đóng góp vô cùng quan trọng, đạt mức 22,1% và là mức cao nhất từ trước tới nay. Biên lợi nhuận gộp của hầu hết các ngành hàng chính được cải thiện nhờ MWG: (i) chủ động đa dạng hóa danh mục sản phẩm (bao gồm cả nhãn hàng riêng, sản phẩm nhập khẩu trực tiếp và sản phẩm độc quyền phân phối) với nhiều thương hiệu và phân khúc giá khác nhau; (ii) tập trung đẩy mạnh doanh số các sản phẩm có biên lợi nhuận tốt, và (iii) cải thiện các điều khoản thương mại với nhà cung cấp do lợi thế quy mô doanh thu ngày càng lớn.

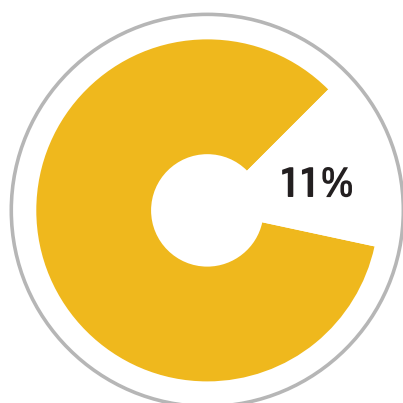
Trong 6 tháng cuối năm 2020, MWG tập trung mở rộng mạng lưới cửa hàng mạnh mẽ, liên tục thử nghiệm các mô hình mới, tăng cường sức mạnh cho đội ngũ mua hàng, đầu tư cho hệ thống kho vận và các nền tảng hỗ trợ vận hành. Việc này làm tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong ngắn hạn nhưng là sự đầu tư cần thiết giúp Công ty quay lại đà tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững trong tương lai.



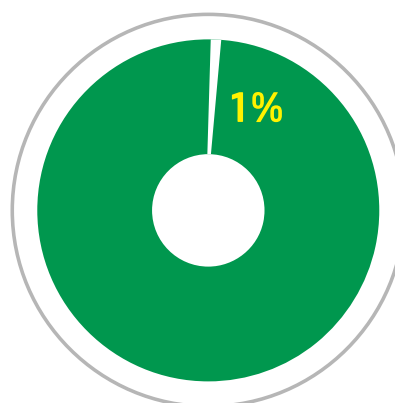
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ONLINE

Tổng doanh thu online : 9.386 tỷ đồng = 9% doanh thu MWG

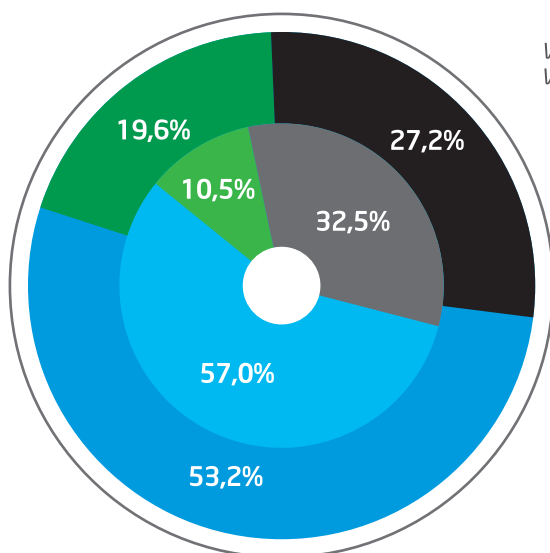
TỶ TRỌNG DOANH THU ONLINE
trong doanh thu chuỗi Thegioididong.com
và Dienmayxanh.com



TỶ TRỌNG DOANH THU ONLINE
trong doanh thu chuỗi Bachhoaxanh.com

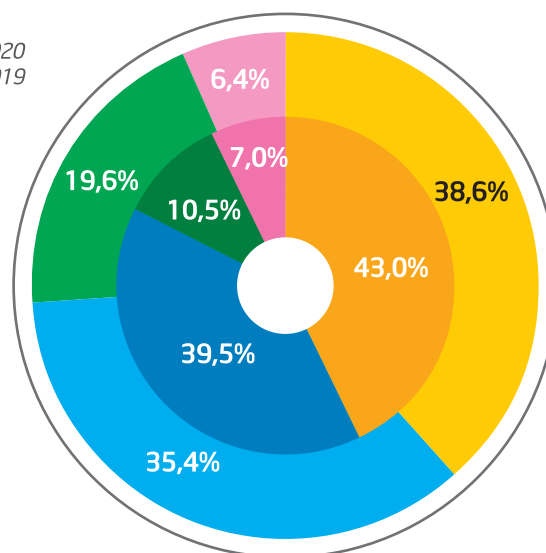


CƠ CẤU DOANH THU THEO CHUỖI

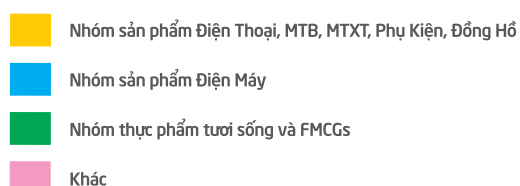


Vòng ngoài: 2020
Vòng trong: 2019

CƠ CẤU DOANH THU THEO SẢN PHẨM KINH DOANH

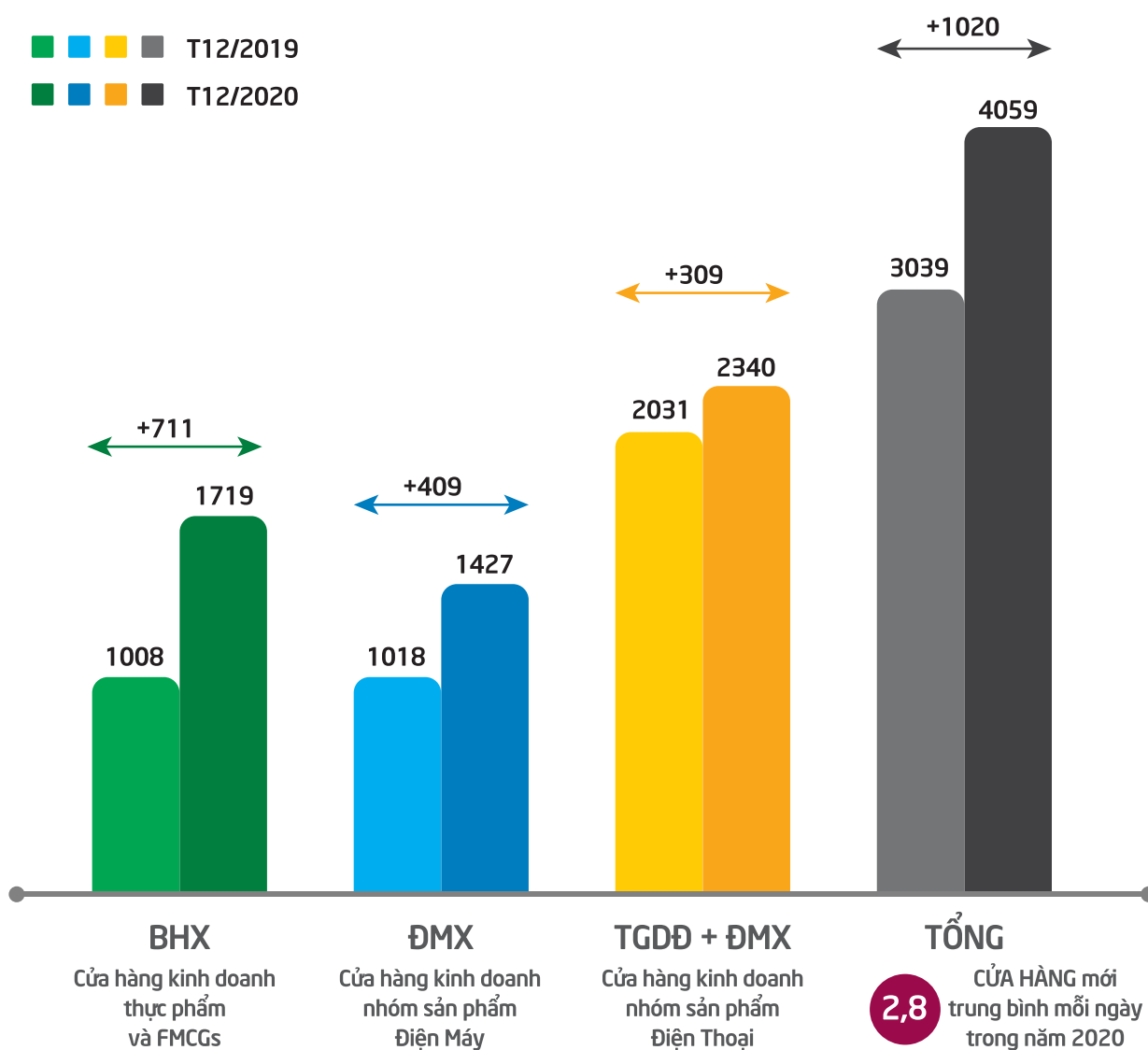


(*): Doanh thu theo chuỗi chưa bao gồm doanh thu của Bluetronics



(*): Dịch vụ khác bao gồm: Sim, Thẻ cào, Trả Góp, Thu Hộ, Máy Cũ...

TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG



(*): Cửa hàng ĐMX tăng thêm bao gồm các cửa hàng chuyển đổi từ TGDĐ

(**): Tổng hệ thống chưa bao gồm cửa hàng Bluetronics & nhà thuốc An Khang

THẾ GIỚI DI ĐỘNG ĐIỆN MÁY XANH VÀ BLUETRONICS

Thị trường đa số các sản phẩm công nghệ và điện tử tiêu dùng năm 2020 tăng trưởng âm so với cùng kỳ (ngoại trừ máy tính xách tay và thiết bị đeo). Trong đó, điện thoại và điện tử bị ảnh hưởng nặng nhất, ghi nhận mức sụt giảm hai chữ số so với năm 2019. Việc TGDĐ/ĐMX đang làm tốt hơn thị trường ở hầu hết các sản phẩm chính giúp MWG củng cố vị thế số 1 về bán lẻ thiết bị di động và điện máy, liên tục nới rộng khoảng cách với các nhà bán lẻ khác.

Công ty đẩy mạnh khai thác các ngành hàng có biên lợi nhuận tốt và còn dư địa tăng trưởng như:

Đồng hồ: hơn 500 điểm bán mang về gần 1.600 tỷ đồng (gấp đôi so với năm 2019) từ 1,2 triệu sản phẩm bán ra. Như vậy, MWG là nhà bán lẻ đồng hồ - thiết bị đeo lớn nhất Việt Nam chỉ sau 2 năm gia nhập thị trường này.

Máy tính xách tay (MTXT): 26 trung tâm Laptop và hơn 1.000 điểm trưng bày sản phẩm trong TGDĐ & ĐMX đóng góp hơn 3.500 tỷ đồng (tăng hơn 40% so với năm 2019). Với kết quả này, MWG ước tính chiếm gần 30% thị phần MTXT tại Việt Nam năm 2020.

Gia dụng: Sự tập trung khai thác nhóm sản phẩm có giá trị tiêu thụ lớn là quạt điện, máy lọc nước và nồi cơm điện trong năm 2020 giúp nhóm này mang về hơn 3.500 tỷ đồng (tăng hơn 20% so với năm 2019) và đóng góp tới gần 50% doanh số gia dụng nói chung.

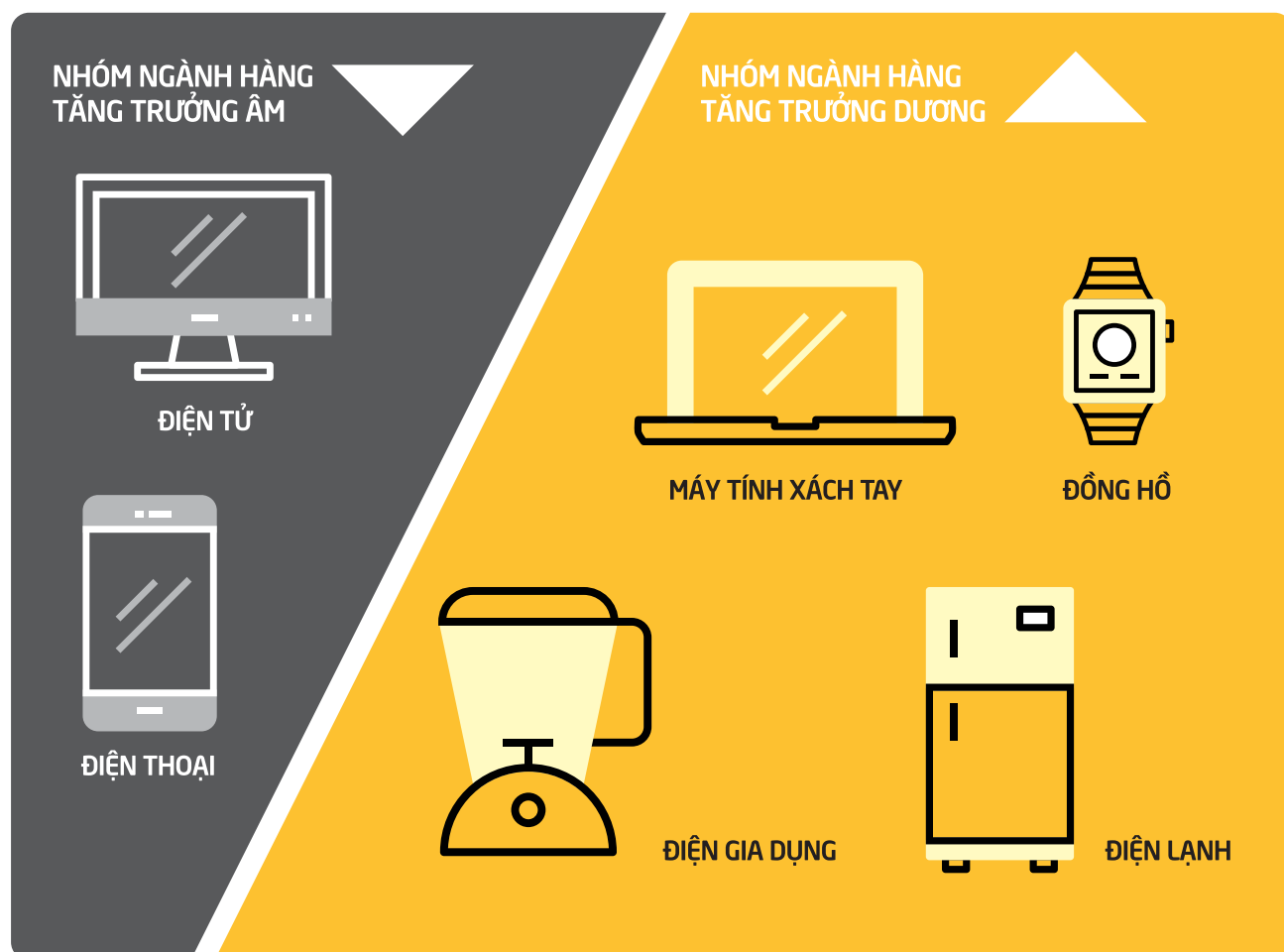
Nỗ lực không ngừng thử nghiệm để tìm ra động lực tăng trưởng mới cho tương lai:

Điện Máy Xanh Supermini (ĐMS): sau 6 tháng triển khai, chuỗi ĐMS đã phát triển thần tốc với 302 cửa hàng phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân vùng nông thôn tại 61/63 tỉnh thành. Không chỉ tăng nhanh về số lượng (mở mới 200 cửa hàng chỉ trong 2 tháng cuối năm), chuỗi này đã đóng góp hơn 850 tỷ đồng doanh thu lũy kế cho Công ty, tương đương doanh thu bình quân mỗi cửa hàng đạt ổn định hơn 1 tỷ đồng/tháng. Kết quả kinh doanh khả quan của ĐMS là tiền đề giúp Công ty tự tin nhân rộng mô hình này lên đến 1.000 điểm bán cuối năm 2021.

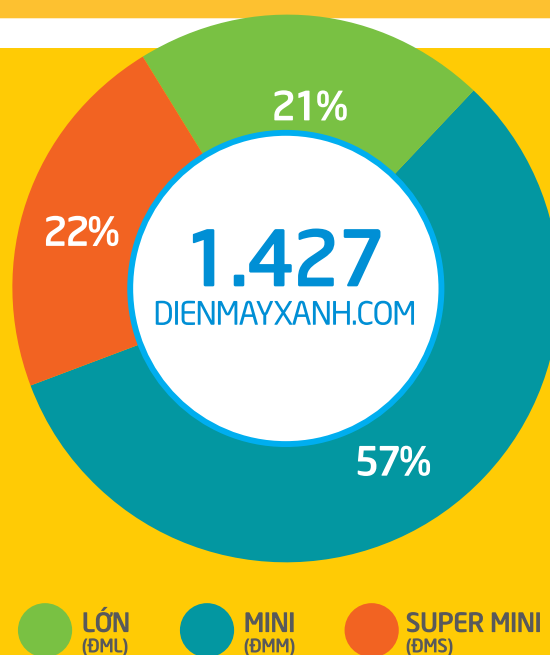
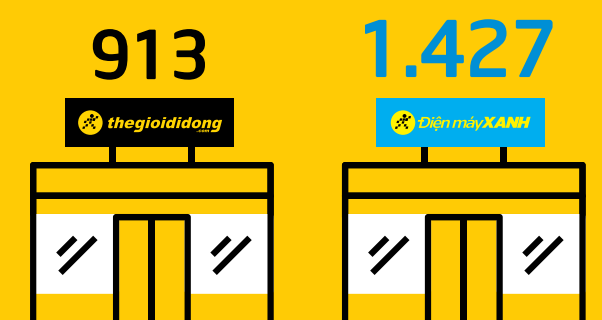
Bluetronics: có mặt tại 8/25 tỉnh thành tại Campuchia với tổng số 37 cửa hàng. Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng đạt 1,2 tỷ đồng/tháng vào tháng 12/2020. Tổng doanh thu của mạng kinh doanh này tại Campuchia năm 2020 tăng 80% so với năm 2019. Mục tiêu của Bluetronics là trở thành nhà bán lẻ số 1 về thiết bị di động và sản phẩm điện tử tiêu dùng tại Campuchia trong năm 2021 với khoảng 80 điểm bán trên toàn quốc.

Hoàn thiện quy trình để vận hành hiệu quả: mô hình all-in-one (một nhân viên đảm nhận tất cả các khâu phục vụ khách hàng từ tư vấn bán hàng, thu tiền, thực hiện hồ sơ trả góp...) được áp dụng triệt để nhằm tăng năng suất lao động, tăng hoa hồng dịch vụ và tiết kiệm chi phí vận hành.

TĂNG TRƯỞNG NGÀNH HÀNG CHÍNH 2020 SO VỚI 2019

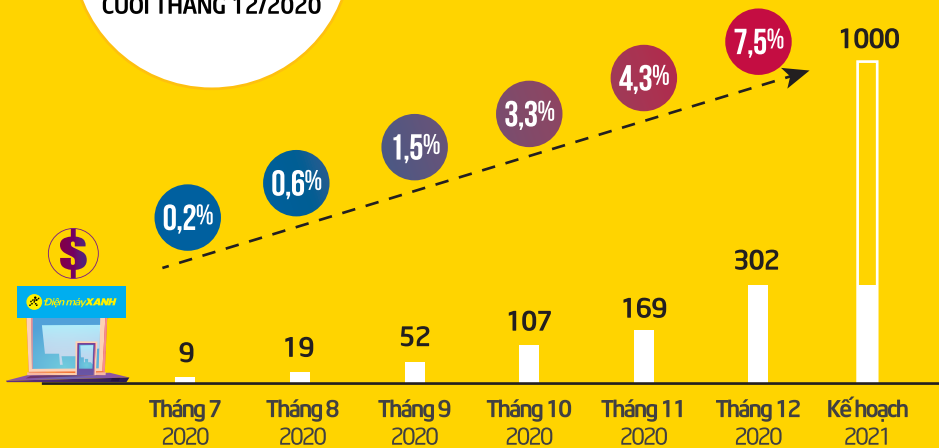


HỆ THỐNG CỬA HÀNG



SỐ CỬA HÀNG ĐMS & ĐÓNG GÓP TRONG TỔNG DOANH THU ĐIỆN MÁY XANH

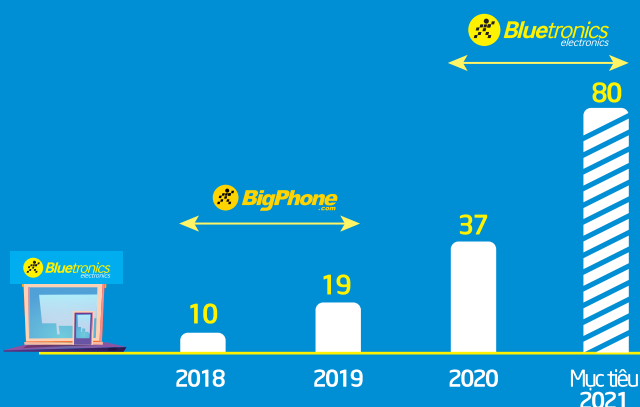
302
CỬA HÀNG
(61/63 TỈNH THÀNH),
CUỐI THÁNG 12/2020



Doanh thu trung bình
hơn **1 TỶ ĐỒNG**/cửa hàng/tháng



SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG BÁN LẺ ĐIỆN THOẠI & ĐIỆN MÁY TẠI CAMPUCHIA



Doanh thu trung bình
hơn **1,2 TỶ ĐỒNG**/ cửa hàng/tháng

37
CỬA HÀNG
BLUETRONICS
(8/25 TỈNH THÀNH),
CUỐI THÁNG 12/2020



BÁCH HÓA XANH

Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX) ghi nhận mức doanh thu gấp đôi so với năm 2019, đạt 21.260 tỷ đồng và đóng góp gần 20% trong tổng doanh số của MWG. Trong năm 2020, BHX là động lực tăng trưởng chính của kênh cửa hàng hiện đại (MT) tại Việt Nam. Thị phần hàng tiêu dùng nhanh của BHX đã vượt mức 10% tại khu vực thành thị nói chung và trên 20% tại riêng Tp.HCM. Sự tăng trưởng vượt trội của BHX so với thị trường là do (i) mở rộng mạnh mẽ hệ thống cửa hàng tại nhiều tỉnh thành Nam Bộ và Nam Trung Bộ và (ii) tăng trưởng doanh số tích cực của các cửa hàng cũ.

Tại thời điểm 31/12/2020, BHX có 1.719 cửa hàng có mặt tại 24/63 tỉnh thành (tăng 711 điểm bán so với cuối năm 2019) với doanh thu bình quân mỗi cửa hàng đạt xấp xỉ 1,25 tỷ đồng/tháng.

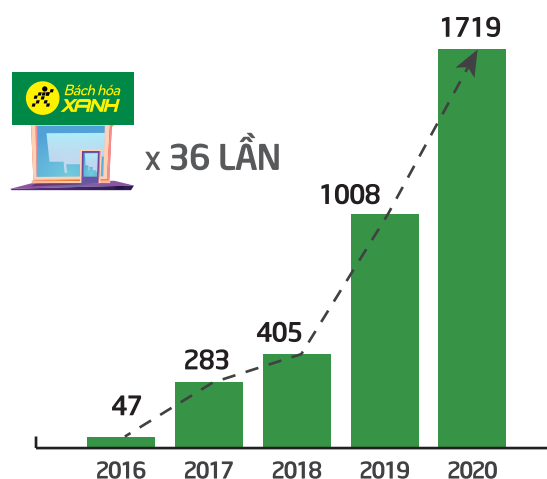
Biên lợi nhuận gộp sau hủy hàng và mất mát đạt trên 24% cả năm 2020 (+5% so với năm 2019). Sự gia tăng đáng kể biên lợi nhuận gộp của BHX chủ yếu đến từ (i) cải thiện các điều khoản thương mại với nhà cung cấp hàng FMCGs và (ii) nỗ lực tối ưu hiệu quả khâu mua hàng tươi sống. Với biên lợi nhuận gộp này, BHX đã có lời EBITDA (chưa bao gồm khấu hao) ở cấp độ cửa hàng và trung tâm phân phối (DC) cho cả năm 2020.

Sau 6 tháng thử nghiệm, mô hình cửa hàng diện tích lớn 500m² và cung cấp 6.000-8.000 lựa chọn hàng hóa (phần lớn nâng cấp từ các cửa hàng hiện hữu đang kinh doanh tốt) được lựa chọn là động lực tăng trưởng doanh thu cho chuỗi BHX trong năm tới. Cuối tháng 12, BHX có tổng cộng 182 cửa hàng loại này hiện diện tại 19 tỉnh thành (trong đó có 1/3 số cửa hàng đặt tại Tp.HCM). Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng “500m²” tại Tp.HCM đạt ~3 tỷ đồng/tháng và tính chung cho cả hệ thống là 2,5 tỷ đồng/tháng do BHX đang triển khai mô hình này với mật độ dày đặc hơn và mở rộng ra thị trường tỉnh. Mục tiêu đến cuối năm 2021, BHX sẽ có hơn 500 cửa hàng diện tích lớn đến từ cả nâng cấp và mở mới, phân bố khắp các đô thị khu vực Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Năm 2020, kênh BHX online ghi nhận sự tăng trưởng đột phá về cả số lượng và doanh thu so với 2019. Tháng 12/2020, với 20 trung tâm phân phối, BHX online phục vụ trung bình 7.000 giao dịch mỗi ngày cho khách hàng tại 11 tỉnh thành, những ngày cao điểm lên đến 10.000 đơn hàng.

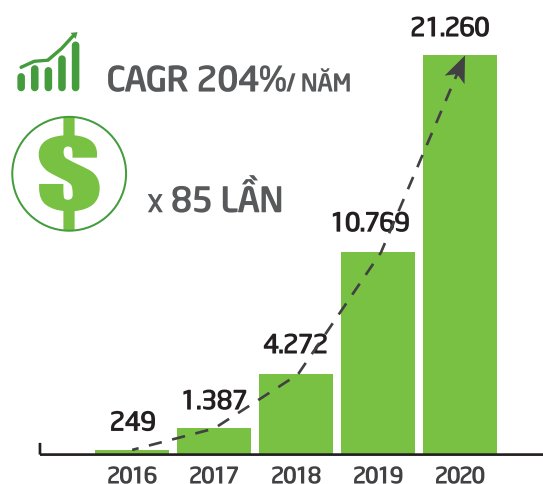
Cuối năm 2020, An Khang có 68 nhà thuốc đang hoạt động (trong đó có 53 điểm bán mới, được sắp xếp đi cùng với mô hình BHX diện tích lớn).

SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG
BÁCH HÓA XANH
2016 - 2020



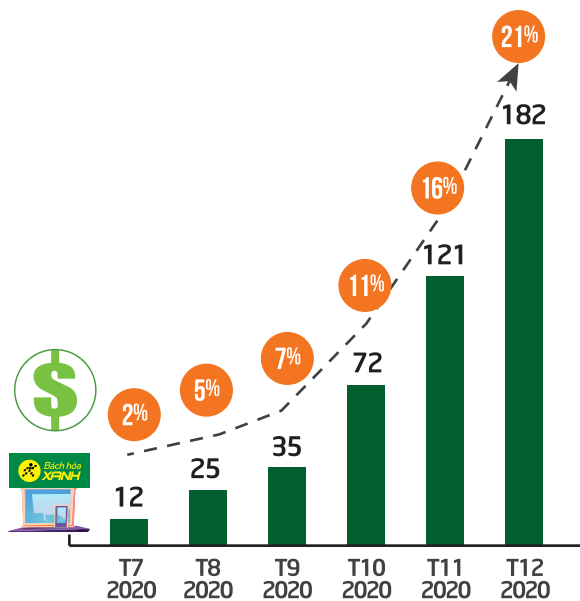
Doanh thu trung bình
tháng/ cửa hàng **~1,25 TỶ ĐỒNG**

DOANH THU CHUỖI (TỶ ĐỒNG)
BÁCH HÓA XANH
2016 - 2020



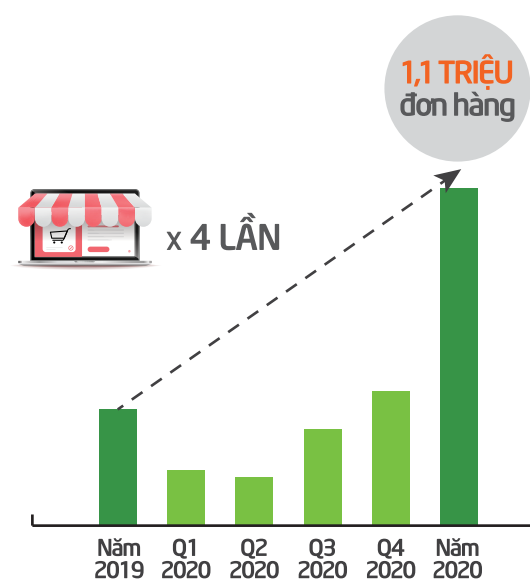
Doanh thu đóng góp
bởi hàng tươi sống,
hàng mát và đông lạnh **47%**

SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG DIỆN TÍCH TRÊN 500M²
& ĐÓNG GÓP TRONG TỔNG DOANH THU
BÁCH HÓA XANH



Doanh thu trung bình
1 cửa hàng/ tháng **~3 TỶ ĐỒNG (HCM)**
& 2,5 tỷ đồng (toàn hệ thống)

SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH
KÊNH BÁCH HÓA XANH ONLINE



HƠN 10.000 lựa chọn sản phẩm gồm:
hàng khô, mát, đông lạnh, đồ dùng gia
đình và một số mặt hàng tươi sống

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 2020 SO VỚI KẾ HOẠCH

Trong năm 2020, MWG đã hoàn thành 98,7% kế hoạch doanh thu và xuất sắc đạt 113,6% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm nhờ nhanh chóng và quyết liệt triển khai các ý tưởng kinh doanh mới như: (i) thử nghiệm chuỗi cửa hàng Điện Máy Xanh Supermini và mô hình cửa hàng Bách Hóa Xanh với diện tích lớn hơn 500m²; (ii) Tập trung khai thác các mặt hàng có biên lợi nhuận tốt và còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng tối ưu chi phí, kiểm soát hàng tồn kho và duy trì dòng tiền kinh doanh lành mạnh.

CHỈ TIÊU	THỰC TẾ 2020	KẾ HOẠCH 2020	TỶ LỆ HOÀN THÀNH	THỰC TẾ 2019	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG
Doanh thu thuần	108.546	110.000	98,7%	102.174	6,2%
Lợi nhuận sau thuế	3.920	3.450	113,6%	3.836	2,2%

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

THÔNG TIN TỔNG QUAN



**Ông. TRẦN
KINH DOANH**

Tổng giám đốc công ty cổ phần
đầu tư Thế Giới Di Động



**Ông. ĐOÀN
VĂN HIẾU EM**

Tổng giám đốc công ty cổ phần
Thế Giới Di Động



**Ông. NÔNG
VĂN DŨNG**

Tổng giám đốc công ty CPTM
Bách Hóa Xanh



**Ông. ĐẶNG
MINH LƯỢM**

Giám Đốc Nhân Sự



**Ông. PHẠM
VĂN TRỌNG**

Giám đốc công ty TNHH MTV
CNTT Thế Giới Di Động



**Ông. ĐOÀN
TRUNG HIẾU**

Giám đốc công ty TNHH Dịch Vụ
Lắp Đặt _ Sửa Chữa _ Bảo Hành
Tận Tâm



**Ông. QUÁCH
VĨNH NAM**

Giám Đốc Bán Hàng Toàn Quốc
TGDD - ĐMX



**Ông. PHÙNG
NGỌC TUYẾN**

Giám Đốc Ngành Hàng ICT



**Ông. TRẦN
VĂN HOÀNG**

Giám Đốc Ngành Hàng CE



**Bà. NGUYỄN THỊ
NGỌC THƯƠNG**

Giám Đốc Ngành Hàng BHX



**Ông. ĐỖ
TUẤN ANH**

Giám Đốc Cung Ứng Hậu Cần



**Ông. VŨ
ĐĂNG LINH**

Giám Đốc Tài Chính



**Ông. BÙI
NGỌC TÍN**

Giám Đốc Khối CNTT



**Bà. LÊ
THẢO TRANG**

Giám Đốc Marketing



**Bà. HOÀNG
KHÁNH CHI**

Giám Đốc Trải
Nghệm Khách Hàng



**Bà. LÝ TRẦN
KIM NGÂN**

Kế Toán Trưởng



**Bà. LÊ THỊ
THU TRANG**

Giám Đốc Đầu Tư &
Quan Hệ Cổ Đông

TÓM TẮT LÝ LỊCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CÔNG TY CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH^(*)



Ông: TRẦN KINH DOANH

- Năm sinh: 1973
- Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP. HCM
- Từng giữ nhiều vị trí then chốt trong khối Phát triển kinh doanh từ năm 2007
- Đưa hệ thống thegioididong.com, Điện Máy Xanh có mặt ở 63 tỉnh thành
- 2013: Thành viên HĐQT
- 2014-09/2018: Tổng Giám Đốc Công ty CP Thế Giới Di Động
- 2018 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động
- Hiện ông cũng là Chủ tịch Cty CP Thương Mại Bách Hóa Xanh
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 4.706.520 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 1,038%

Ông: ĐOÀN VĂN HIẾU EM

- Năm sinh: 1984
- Cử nhân Kế toán tại Đại học Tài Chính – Marketing.
- Gia nhập MWG từ năm 2007 và có hơn 10 năm làm việc tại khối phát triển kinh doanh ngành hàng Điện tử - Viễn thông trước khi được bổ nhiệm lên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động vào tháng 9/2018
- Thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 03/2019
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 558.200 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,123%.



Ông: ĐẶNG MINH LƯỢC

- Năm sinh: 1975
- Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP. HCM
- Giám đốc Nhân sự Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động từ năm 2007
- Thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 05/2014
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 995.200 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,220%.



Ông: VŨ ĐĂNG LINH

- Năm sinh: 1975
- Thạc sĩ Kinh tế tại Đại Học Kinh Tế TP. HCM
- Ông gia nhập MWG từ tháng 4/2008, ông có hơn 12 năm làm việc tại công ty với vị trí Giám đốc Tài chính
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 386.144 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,085%

Bà: LÝ TRẦN KIM NGÂN

- Năm sinh: 1985
- Thạc sĩ Kế toán tại Đại Học Kinh Tế TP.HCM
- Bà gia nhập MWG từ tháng 3/2012 và đảm nhận vị trí Kế toán trưởng
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 231.176 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,051%



Bà: LÊ THỊ THU TRANG

- Năm sinh: 1986
- Thạc sĩ Phân tích Tài chính tại Đại học New South Wales, Úc
- Người được ủy quyền CBTT và Người Quản trị Công ty
- Bà gia nhập MWG từ tháng 4/2017 và đảm nhận vị trí Giám đốc Đầu tư và Quan hệ Cổ đông
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 45.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,010%

(*) Thành viên Ban Điều Hành là người nội bộ trong danh sách công bố thông tin

Trong năm 2020, MWG không có thay đổi trong cơ cấu Ban điều hành chính của Công ty.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ TÓM TẮT THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính tới cuối năm 2020, MWG đã có hơn 70.000 nhân viên, tăng đáng kể so với hơn 58.000 nhân viên vào cuối năm 2019 chủ yếu do nhu cầu mở mới cửa hàng của MWG. Mặc dù kết quả kinh doanh của MWG trong năm 2020 chịu nhiều ảnh hưởng bởi dịch Covid nhưng Công ty vẫn duy trì mức phúc lợi cho nhân viên tốt hơn so với mặt bằng chung của thị trường. Chi tiết về cơ cấu nhân viên và chính sách với người lao động được mô tả chi tiết tại mục Chính sách liên quan đến người lao động.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Dự án mới

Trong năm 2020 MWG đã triển khai thử nghiệm dự án mới 4K Farm - Chi nhánh Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao của Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh.



Mô hình hoạt động của 4KFarm:

- Đội ngũ chuyên gia về nông nghiệp của 4KFarm nghiên cứu công nghệ trồng trọt, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ nông dân trồng rau an toàn 4 KHÔNG (không thuốc trừ sâu, không chất tăng trưởng, không chất bảo quản và không sử dụng giống biến đổi gen).
- 4KFarm cam kết thu mua 100% sản lượng rau an toàn này của nông dân và cung cấp độc quyền cho chuỗi Bách Hóa Xanh.
- Khách hàng có thể scan QR code trên bao rau và biết rõ mọi thông tin về nguồn gốc rau như nhà màng nào trồng, tên nông hộ, loại hạt giống, ngày gieo hạt, ngày thu hoạch và có thể xem camera trực tiếp các nhà màng trồng ra loại rau an toàn 4K.

Sứ mệnh của 4KFarm:

- Cung cấp cho khách hàng thực phẩm an toàn, tốt cho sức khỏe và mang lại cuộc sống thịnh vượng hơn cho người nông dân.

Thành quả bước đầu:

- Tính tới cuối năm 2020, 4KFarm đã ký hợp đồng hợp tác với hơn 170 hộ nông dân. Trong đó, 108 nhà màng đã được đưa vào sản xuất và 70 nhà màng cho thu hoạch sản phẩm với sản lượng giao động quanh mức 2,5 – 4 kg thành phẩm/m²/vụ.
- Dự án vẫn trong giai đoạn thử nghiệm và tỷ lệ đóng góp của rau 4KFarm trong tổng nguồn cung rau của Bách Hóa Xanh là chưa đáng kể.

CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

STT	Tên Công Ty Con	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính trong năm 2020
1	Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid19, hoạt động kinh doanh trong năm 2020 bị ảnh hưởng đặc biệt trong những thời gian giãn cách dẫn đến doanh thu giảm 4,4% so với năm 2019. Tình hình tài chính được duy trì tốt do Công ty đã chủ động giảm lượng hàng tồn kho giúp Công ty tăng lượng tiền mặt để đảm bảo khả năng thanh toán cho Cty.
2	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Kinh doanh ngành hàng tiêu dùng nên hoạt động kinh doanh trong năm 2020 không bị ảnh hưởng nhiều từ dịch bệnh Covid 19. Doanh thu trong năm 2020 tăng lên gấp đôi so với năm 2019 do Cty đang trong giai đoạn mở rộng và phát triển thị phần. Tình hình tài chính và khả năng thanh toán được duy trì ổn định.
3	Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Công ty chỉ thực hiện hoạt động cho thuê các địa điểm kinh doanh của mình cho khách hàng là Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động nên hoạt động kinh doanh vẫn duy trì như năm 2019. Tình hình tài chính và khả năng thanh toán được duy trì ổn định.
4	Công ty TNHH MTV Công nghệ thông tin Thế Giới Di Động	Công ty hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin khác cho các Công ty trong tập đoàn Thế Giới Di Động. Hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ổn định. Tình hình tài chính và khả năng thanh toán được duy trì ổn định.
5	MWG (Cambodia) Co., Ltd	Năm 2020, Bluetronics đã có sự bứt phá về doanh thu với mức tăng trưởng gần 80% so với năm 2019 chủ yếu nhờ tăng đốc độ mở mới của hàng. Tình hình tài chính và khả năng thanh toán được duy trì ổn định.
6	Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm	Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động nên tình hình tài chính và khả năng thanh toán được duy trì ổn định.

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công Ty Liên Kết	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính trong năm 2020
1	Công ty Cổ phần bán lẻ An Khang	Kinh doanh ngành hàng được phẩm nên hoạt động kinh doanh trong năm 2020 không bị ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid 19. Doanh thu trong năm 2020 tăng 69% so với năm 2019 do Cty vẫn đang trong giai đoạn mở rộng và phát triển thị phần. Tình hình tài chính và khả năng thanh toán được duy trì ổn định.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	2019	2020	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)	41.708	46.031	10,4%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	102.174	108.546	6,2%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	5.568	5.971	7,3%
Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	19	-3	-114,9%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5.053	5.410	7,1%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3.836	3.920	2,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	17,3%	17,3%	0,2%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,2	1,3
+Hệ số thanh toán nhanh	0,3	0,6
+Nợ ròng/Ebitda	1,0	1,2
+Số ngày hàng tồn kho bình quân	95,3	97,4
+Số ngày phải thu bình quân	1,1	0,8
+Số ngày phải trả bình quân	44,8	44,8
+Vòng quay tiền mặt (ngày)	51,7	53,4
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,7	0,7
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,4	2,0
+Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	1,2	1,1
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+Vòng quay hàng tồn kho	3,8	3,7
+Vòng quay tổng tài sản	2,9	2,5
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+Biên lợi nhuận gộp	19,1%	22,1%
+Biên lợi nhuận hoạt động	5,4%	5,5%
+Chi phí bán hàng/Doanh thu	12,2%	14,1%
+Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu	2,0%	3,1%
+Biên lợi nhuận ròng	3,8%	3,6%
+Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	36,3%	28,4%
+Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	11,0%	8,9%
+Hệ số thu nhập trên tổng vốn đầu tư (ROIC)	20,2%	14,9%

Ghi chú

(a) Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và các chỉ tiêu về cơ cấu vốn đều có sự cải thiện tích cực trong năm 2020 so với năm 2019 nhờ khả năng cân đối thu chi hợp lý của Công ty.

(b) Biên lợi nhuận gộp có sự gia tăng đáng kể từ 19,1% trong năm 2019 lên 22,1% trong năm 2020 nhờ lợi thế cạnh tranh về quy mô, nỗ lực tối ưu chi phí trong quá trình thu mua hàng hóa và việc cơ cấu danh mục sản phẩm phù hợp.

(c) Biên lợi nhuận ròng có sự giảm sút từ 3,8% xuống còn 3,6% chủ yếu do chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng cao. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ lệ chi phí hoạt động/doanh thu của Bách Hóa Xanh cao hơn tỷ lệ chi phí hoạt động/doanh thu của 2 chuỗi TGDĐ và ĐMX, trong khi tỷ trọng đóng góp doanh thu của Bách Hóa Xanh đã tăng trưởng từ mức 10,5% trong năm 2019 lên mức 19,6% trong năm 2020.

(d) Các hệ số ROE, ROA, ROIC trong năm 2020 có sự sụt giảm so với 2019 một phần vì vốn chủ sở hữu công ty tăng lên nhờ phần lợi nhuận giữ lại trong năm 2020. Bên cạnh đó, chuỗi TGDĐ và ĐMX tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong khi chuỗi Bách Hóa Xanh – động lực tăng trưởng chính của công ty trong các năm tới – hiện vẫn đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng và chưa đóng góp lợi nhuận.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2020

Tổng số lượng
cổ phiếu:

453.209.987

Số lượng
cổ phiếu quỹ:

604.093

Số lượng cổ phiếu
có quyền biểu quyết
đang lưu hành:

452.605.894

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập	19.396.826	4,3%	3		3
	Trong nước	19.396.826	4,3%	3		3
	Nước ngoài	0	0,0%			
2	Các nhà đầu tư lớn (trên 5%)	139.406.952	30,8%	11	11	
	Trong nước	90.151.445	19,9%	2	2	
	Nước ngoài	49.255.507	10,9%	Nhóm nhà đầu tư có liên quan gồm 9 cổ đông tổ chức	Nhóm nhà đầu tư có liên quan gồm 9 cổ đông tổ chức	
3	Quản lý và Nhân viên MWG	50.618.335	11,2%	4.042		4.042
	Trong nước	50.618.335	11,2%	4.042		4.042
	Nước ngoài		0,0%			
4	Các nhà đầu tư khác	243.183.781	53,7%	12.586	237	12.349
	Trong nước	70.366.394	15,6%	12.419	102	12.317
	Nước ngoài	172.817.387	38,1%	167	135	32
5	Cổ phiếu quỹ	604.093	0,1%			
	TỔNG CỘNG	453.209.987	100,0%	16.642	248	16.394

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu vào cuối năm 2020 tăng 27% so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu đến từ lợi nhuận giữ lại từ hoạt động kinh doanh năm 2020.

Trong năm 2020, MWG đã phát hành 9.663.809 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động cho Công ty và các công ty con.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

THỜI ĐIỂM THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ ĐÃ MUA	GIÁ GIAO DỊCH BÌNH QUÂN/CỔ PHIẾU	ĐỐI TƯỢNG GIAO DỊCH
Tháng 3/2020	392.561	Giá quy định trong quy chế ESOP	Nhân viên
Tháng 8/2020	137.669	Giá quy định trong quy chế ESOP	Nhân viên
Tháng 10/2020	73.863	Giá quy định trong quy chế ESOP	Nhân viên

Tại thời điểm cuối năm 2020 Công ty có

604.093
cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

MWG là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ liên quan đến bán lẻ và không liên quan hoạt động sản xuất nên các vấn đề trọng yếu chúng tôi quan tâm bao gồm Tiêu thụ năng lượng, Sử dụng bao bì sinh học tự hủy, Các chính sách liên quan đến người lao động và Cộng đồng

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Là doanh nghiệp bán lẻ, MWG chủ yếu sử dụng điện tại văn phòng và các chuỗi cửa hàng. Vì số lượng cửa hàng công ty liên tục tăng mạnh qua các năm, kéo theo nhu cầu sử dụng điện tăng cao. Tuy nhiên chúng tôi luôn có ý thức sử dụng đúng và hiệu quả nguồn điện, không gây thất thoát, lãng phí.

NĂM	TỔNG SỐ CỬA HÀNG VÀO CUỐI NĂM	SỐ TIỀN (TRIỆU ĐỒNG)	SỐ LƯỢNG MWH QUY ĐỔI ƯỚC TÍNH DỰA VÀO GIÁ ĐIỆN BÌNH QUÂN NĂM 2019	TẤN CO ₂
2019	3039	697.427	374.068	341.524
2020	4059	994.854	533.594	487.171

Giá điện bình quân 2019
theo Bộ Công Thương

> 1.864
đồng/kwh

Hệ số phát thải của lưới điện
Việt Nam gần nhất (năm 2018)
theo Bộ Tài Nguyên và Môi trường:

0,9130
(tCO₂/Mwh)

CÁC SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

- Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động và vận động nâng cao ý thức tiết kiệm điện tại văn phòng công ty và toàn hệ thống siêu thị trên khắp cả nước.

- Kể từ năm 2013, các siêu thị của MWG đều được lắp đặt bộ cảm biến quang tự động bật đèn bảng hiệu vào lúc 18 giờ hoặc khi trời đủ tối và tự tắt vào 22 giờ mỗi ngày.



- Ngoài ra, nhằm tối ưu hiệu quả tiết kiệm điện năng trong toàn hệ thống và nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng, công ty thiết kế hệ thống tự động mở đèn, máy lạnh vào 7 giờ và tắt vào 23 giờ mỗi ngày tại các siêu thị Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh.

- Hầu hết các siêu thị đều được trang bị các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường như vật liệu có khả năng tái chế, đèn led, máy lạnh inverter, thiết bị cảm ứng hẹn giờ bật tắt điện tự động, đáp ứng đầy đủ yêu cầu Phòng cháy chữa cháy... Công ty đặt mục tiêu trong thời gian tới, tỷ lệ đèn led sử dụng tại văn phòng và siêu thị thuộc MWG tăng từ mức hiện tại 95% lên 100%, tỷ lệ sử dụng máy lạnh inverter tăng từ mức hiện tại 50% lên 100%.

- Công ty đang sử dụng điện mặt trời tại 67 siêu thị với tổng công suất thiết kế hơn 3.600 KWP. Việc sử dụng điện mặt trời giúp tiết kiệm được 15% chi phí điện hàng tháng tại cửa hàng, do đó Công ty sẽ tiếp tục tăng cường lắp đặt điện mặt trời tại các vị trí cửa hàng đủ tiêu chuẩn để thi công. Dự kiến mỗi năm Công ty sẽ bổ sung thêm 3.000-4000 KWP điện mặt trời nhằm tiết kiệm chi phí.

TĂNG SỬ DỤNG BAO BÌ SINH HỌC TỰ HỦY

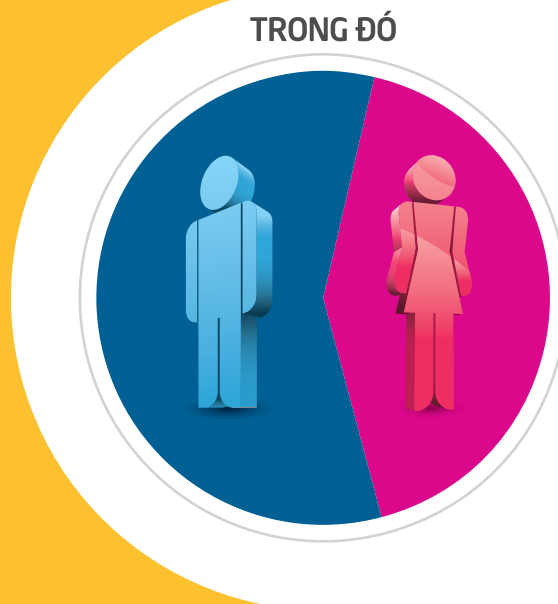
Với đặc thù là đơn vị bán lẻ, MWG sử dụng nhiều bao bì để đựng hàng hóa cho khách hàng. Chúng tôi nhận thức việc sử dụng túi ni-lông là không tốt cho môi trường nên luôn không ngừng có các giải pháp phù hợp. Hiện nay, hầu hết bao bì được sử dụng tại chuỗi Thế Giới Di Động và Bách Hóa Xanh đều là bao bì sinh học tự hủy.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ VÀ CƠ CẤU NHÂN SỰ



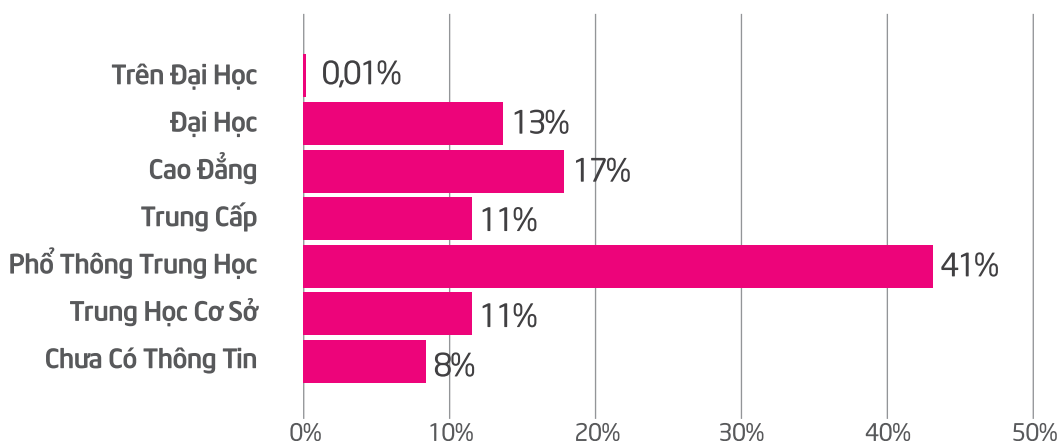
HƠN
70.000
NHÂN SỰ



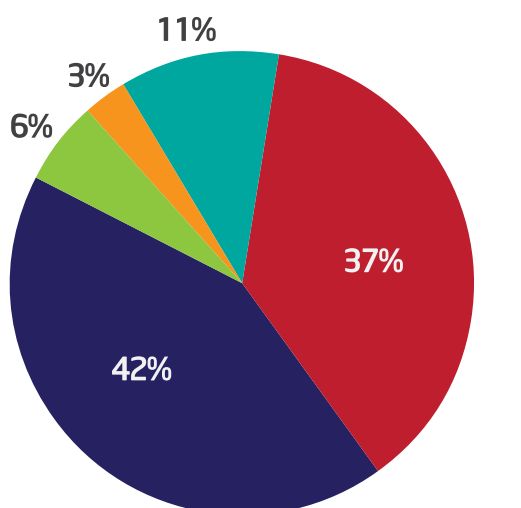
♂
NAM
58%

♀
NỮ
42%

TỶ LỆ NHÂN VIÊN CÓ BẰNG CẤP TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
CHIẾM HƠN 40% TỔNG NHÂN VIÊN

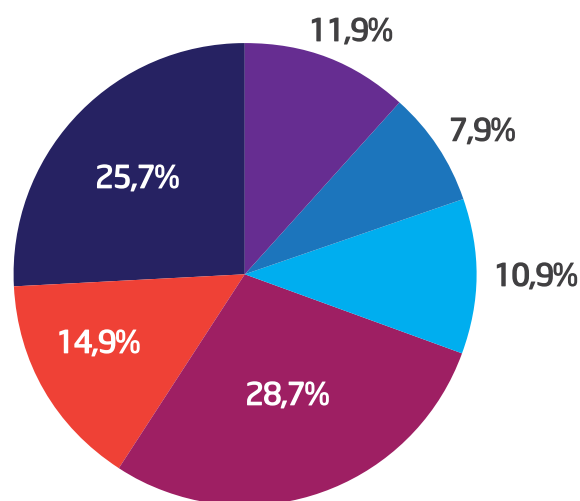


**NHÂN SỰ CHỦ YẾU LÀ NHÂN SỰ TRẺ,
NĂNG ĐỘNG ĐA PHẦN DƯỚI 30 TUỔI**



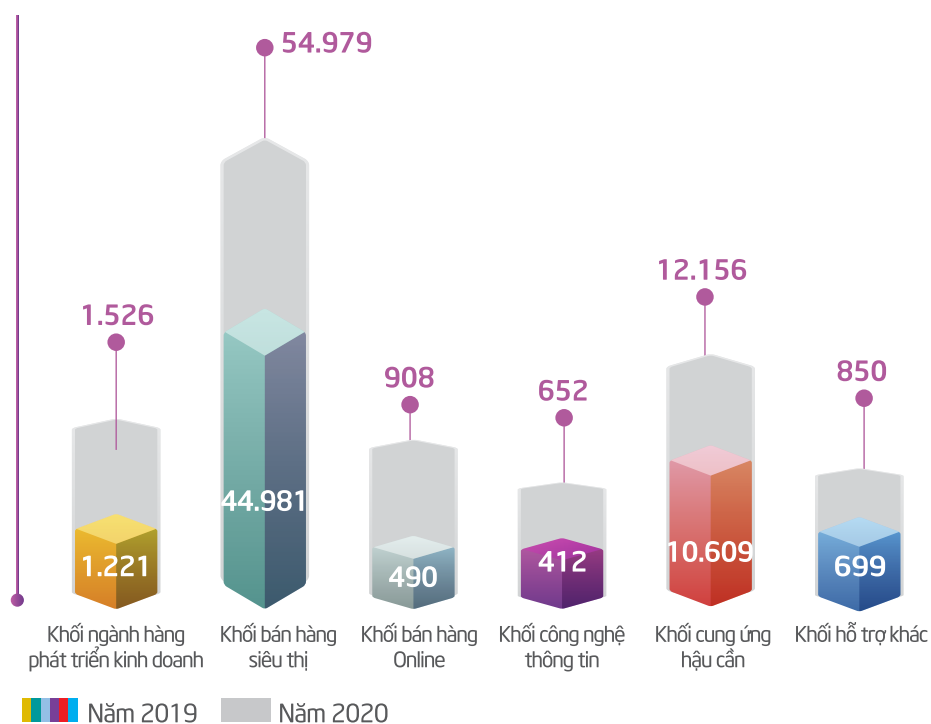
■ Từ 36 đến 40 tuổi ■ Từ 26 đến 30 tuổi
■ Trên 45 tuổi ■ Dưới 26 tuổi
■ Từ 31 đến 35 tuổi

**VỚI HƠN 70.000 NHÂN SỰ CẢ MỚI VÀ CÓ THÂM NIÊN,
CÁC BẠN VẪN LUÔN ĐỒNG HÀNH CÙNG CÔNG TY
THỰC HIỆN SỨ MỆNH CỦA MÌNH**



■ Trên 5 năm ■ Từ 2 năm đến 5 năm
■ Dưới 2 tháng ■ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
■ Dưới 6 tháng ■ Từ 1 năm đến 2 năm

CƠ CẤU NHÂN SỰ



58.412

**NHÂN SỰ
NĂM 2019**

71.071

**NHÂN SỰ
NĂM 2020**

GHI CHÚ TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM 2020:

- Tổng số lượng nhân sự Công ty đã bao gồm cộng tác viên.
- Số lượng nhân viên làm việc tại siêu thị TGDĐ & ĐMX là hơn **30.000** người.
- Số lượng nhân viên làm việc tại siêu thị BHX là hơn **24.000** người.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG VÀ THĂNG TIẾN

- Công ty luôn tuân thủ mức lương tối thiểu vùng và theo dõi mức lương chung của thị trường để áp dụng chính sách lương cạnh tranh và phù hợp cho từng phòng ban.
- Ngoài lương cố định hàng tháng, nhân viên khối bán hàng còn có thêm các khoản thưởng theo năng suất bán hàng, thưởng phục vụ, thưởng nóng theo các chương trình bán hàng thi đua.
- Để ghi nhận cho nỗ lực duy trì tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong năm 2020 của toàn thể nhân viên, Công ty tiếp tục duy trì chính sách thưởng cuối năm hấp dẫn trong năm 2020.
- Các chính sách thăng tiến nội bộ được quy định rõ ràng tạo động lực cố gắng cho toàn thể nhân viên. Đặc biệt đối với nhân viên khối bán hàng, chỉ cần 6 tháng kể từ ngày vào làm việc và đáp ứng các tiêu chí về phục vụ khách hàng là có thể ứng tuyển thăng cấp quản lý.

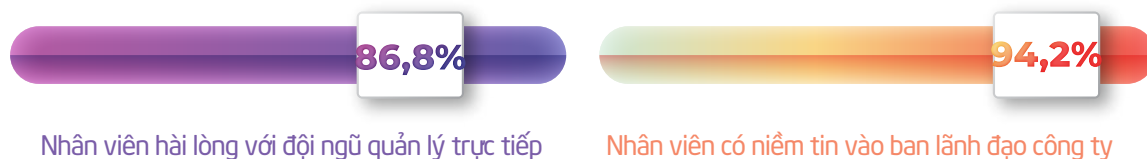
Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- MWG luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản Bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ nhân viên Công ty. Ngoài chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước, nhân viên còn được tham gia Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và gia đình, Bảo hiểm tai nạn.
- Hàng năm công ty đều tổ chức Teambuilding cho toàn thể nhân viên nhưng vì ảnh hưởng của dịch Covid trong năm 2020 nên hoạt động này không được diễn ra trong năm vừa qua.
- Ngoài ra, công ty còn áp dụng các chính sách khác cho các sự kiện hôn hỉ, tang chế,...
- Bộ phận quan hệ lao động, Công đoàn Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của nhân viên ở tất cả các cấp, các bộ phận nhằm tháo gỡ những vướng mắc, kịp thời hỗ trợ, kêu gọi giúp đỡ các gia cảnh khó khăn. Cụ thể thể hiện qua các con số sau đây:
 - ◆ Quan tâm, thấu hiểu và vận động 4,6 tỉ đồng giúp đỡ cho 5.600 nhân viên khó khăn/ đau ốm;
 - ◆ Tặng quà bằng hiện kim, hiện vật cho 46.000 nhân viên/ công đoàn viên vào các dịp Tết, Sinh Nhật, Quốc tế thiếu nhi 01/06, trung thu.
 - ◆ Lắng nghe & giải đáp 2.520 thắc mắc nhân viên trên các kênh: Báo cáo nội bộ, HR Center, Blog.
- Trong năm 2020, Công đoàn đã tổ chức 20 chương trình lớn nhỏ nhằm tăng gắn kết giữa nhân viên và Công ty, thu hút sự tham gia của hơn 45.000 nhân viên. Các chương trình gây chú ý bao gồm:
 - ◆ MWG 7 Ngày Challenge: 705 Người tham gia thử thách (bao gồm 7 ngày thực hiện các hoạt động thể thao để đổi lấy gạo theo quy chế chương trình), 5.084 người đóng góp bằng hiện kim, 1.233 phần quà được gửi tặng nhân viên có hoàn cảnh cần giúp đỡ;
 - ◆ Tổ chức giải chạy bộ MWG RUNNER đóng góp 140.000.000đ học bổng cho quỹ Mái Ấm Thế Giới Di Động
- Phòng quan hệ lao động đã đồng hành cùng siêu thị/ phòng ban chăm sóc sức khỏe MWG thời "khủng hoảng" Covid-19 bằng cách:
 - ◆ Thường xuyên gia tăng vitamin tinh thần đến hơn 60.000 MWGers qua các Poster, ấn phẩm truyền thông, cuộc thi, hoạt động thể thao nâng cao sức khỏe trên BCNB, Blog, Fanpage, Group;
 - ◆ Nhanh chóng triển khai hành động về Vacxin thể chất: 28.000 nước rửa tay, 3.500 Tube C Sủi, 57.000 hộp khẩu trang;
 - ◆ Triển khai quỹ hỗ trợ nhanh cho 4.800 nhân viên vay để đảm bảo đời sống trong giai đoạn kinh tế khó khăn do ảnh hưởng Covid-19;
 - ◆ Triển khai thông điệp 5K (Khẩu trang – Khử khuẩn – Không tụ tập – Khai báo y tế - Khoảng cách) cho toàn hệ thống.



Khảo sát chỉ số gắn kết

Tập đoàn MWG 2020



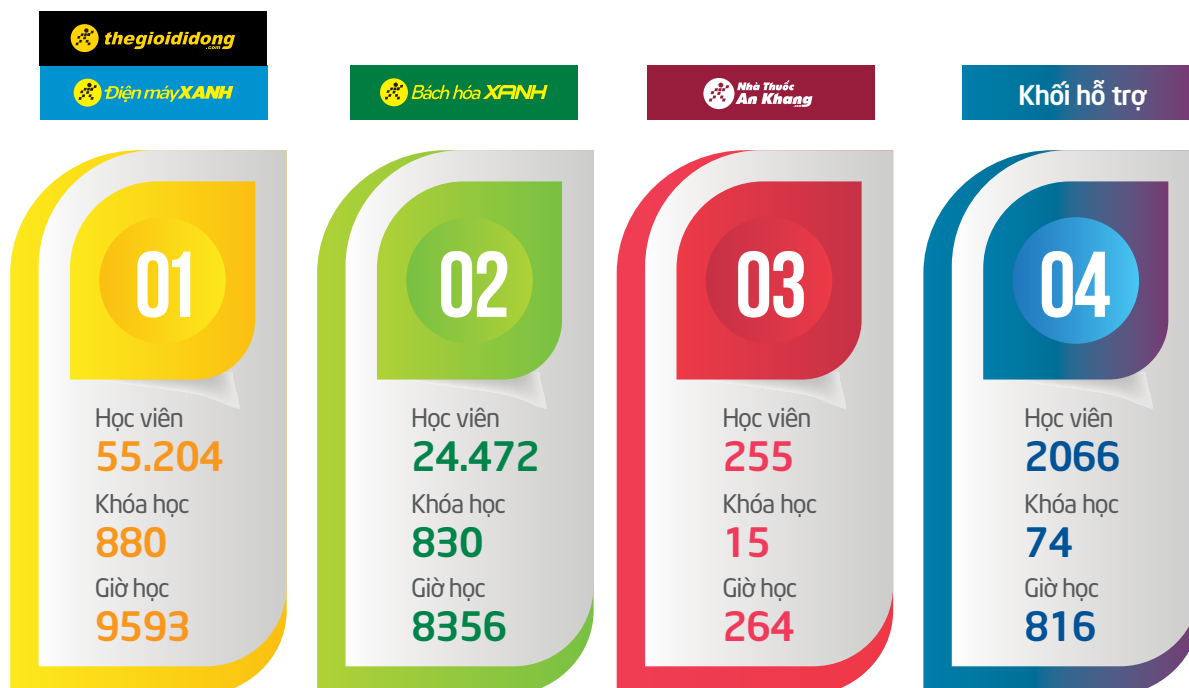
Hoạt động đào tạo người lao động

- Trong năm 2020, bộ phận Đào Tạo của Công ty đã tích cực triển khai nhiều khóa học với đa dạng nội dung để đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng cũng như tạo điều kiện phát triển cá nhân và sự nghiệp cho nhân viên.
- Các khóa học cho nhân viên khối cửa hàng tập trung vào đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng bán hàng và các kỹ năng mềm khác. Trong khi đối với nhân viên khối hỗ trợ, nội dung các khóa học sẽ tập trung vào các kỹ năng mềm để phát triển bản thân.



Thống kê đào tạo 2020

4.59/5 là điểm đánh giá của học viên dành cho trainer dựa vào 3 tiêu chí: Kiến Thức, Sự nhiệt tình, Cách truyền đạt



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Đóng góp vào Quỹ từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động

Quỹ từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động được UBND Tỉnh Bình Dương cấp giấy phép thành lập số 25/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 và được công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động theo quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/03/2019.

Quỹ từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động là quỹ hoạt động không vì lợi nhuận, minh bạch tài chính 100% với các thông tin thu chi được cập nhật minh bạch qua website <https://www.maiamtgdd.vn/> và Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi Ernst & Young Việt Nam. Mục đích chính của quỹ bao gồm:

- Hỗ trợ sinh hoạt phí cho các em sinh viên, học sinh dưới hình thức học bổng không hoàn lại hoặc cho mượn không lãi suất và hoàn trả sau khi ra trường đi làm;
- Xây dựng và vận hành các nhà tình thương để nuôi dưỡng các trẻ em mồ côi và trẻ em không nơi nương tựa; cung cấp cho các em một mái nhà như là gia đình thứ hai của các em. Các em sẽ được nuôi dưỡng tử tế, an toàn, miễn phí và được tiếp tục đến trường để sau này lớn lên có thể tự lập nuôi sống bản thân và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Kể từ ngày quỹ thành lập, mỗi năm MWG đều trích ra một khoản để đóng góp cho hoạt động của quỹ.

Chương trình mang nụ cười trọn vẹn cho trẻ em hở hàm ếch

Sáng 14/11/2020, tại Bệnh viện Đại học Y dược TP HCM, Điện Máy Xanh và LG Việt Nam cùng tổ chức Operation Smile (Phẫu thuật Nụ cười) đã tiến hành khai mạc chương trình Phẫu thuật Nụ cười cho các em nhỏ không may bị tật hở môi, hàm ếch. Tổng giá trị tài trợ lên tới 1,5 tỷ đồng có thể giúp phẫu thuật mang lại nụ cười cho 170 em nhỏ.





Chương trình “Tết sẻ chia” – trao tặng 1.000 tấn gạo cho người dân nghèo

2020 là một năm đầy khó khăn với người dân trên cả nước bởi dịch Covid-19, bão lũ và hạn hán, gây thiệt hại nặng nề đến đời sống và kinh tế người dân. Do đó, Thế Giới Di Động xác định dịp Tết năm nay cần có những hành động chia sẻ cụ thể và thiết thực đến mọi người.

Bên cạnh chương trình khuyến mãi với 100% hóa đơn hoàn tiền, giảm giá trực tiếp trên mỗi sản phẩm để gánh nặng mua sắm Tết trở nên nhẹ nhàng hơn, Thế Giới Di Động còn trích ra 5.000-10.000 đồng trên mỗi hóa đơn để hình thành quỹ gạo 1.000 tấn, trao cho những gia đình nghèo khó có đủ cơm ăn trong ngày lễ Tết. Chương trình do Thế Giới Di Động phối hợp tổ chức cùng hàng chục đối tác toàn cầu như **Samsung, LG, Sony, Panasonic, Toshiba, OPPO, Vivo**,... với tổng giá trị phần quà trao tặng lên đến 15 tỷ đồng.

Hơn 200 điểm giao gạo trải dài tại 55 tỉnh thành thuộc 11 vùng miền cả nước từ các khu vực miền núi phía bắc (Hà Giang, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai,...), Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An,...), miền Trung (Bình Định, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế,...) đến các tỉnh miền Tây (An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh,...) nhằm đưa các phần quà đến tận tay người dân.



Chương trình hiến máu nhân đạo

Trong năm 2020, nhân viên MWG đã đóng góp hơn 200 đơn vị máu để hỗ trợ viện huyết học.



IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế do ảnh hưởng từ đại dịch toàn cầu, trong đó ngành bán lẻ chịu những tác động bất lợi chưa từng có. Điều này dẫn tới nhiều doanh nghiệp có kết quả kinh doanh sụt giảm hoặc thậm chí không giữ được lợi nhuận. Trong bối cảnh đó, mặc dù không thể so sánh với mức tăng trưởng cao nhiều năm liền trước đây, MWG vẫn ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 108.546 tỷ đồng (tăng trưởng 6%) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 3.920 tỷ đồng (tăng trưởng 2% so với năm 2019). Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 99% kế hoạch doanh thu và 114% kế hoạch LNST cả năm. Như vậy, MWG là một trong số rất ít doanh nghiệp tại Việt Nam có thể đảm bảo tăng trưởng liên tục kể từ khi Công ty thành lập đến nay.

Doanh thu đến từ các giao dịch online trong năm đạt 9.386 tỷ đồng và chiếm hơn 9% tổng doanh thu của Công ty. MWG vẫn đang là công ty có doanh số lớn nhất trong tổng giá trị thị trường bán lẻ trực tuyến hàng hóa tại Việt Nam.

Quy mô hơn 4.000 cửa hàng với tốc độ mở mới 2,8 cửa hàng mỗi ngày trong năm 2020. Trong đó, chuỗi ĐMX vượt mốc 1.400 cửa hàng và chuỗi BHX vượt mốc 1.700 cửa hàng vào cuối tháng 12/2020. Cụ thể là:

- Chuỗi ĐMX có 1.427 cửa hàng (bao gồm 302 cửa hàng ĐMX Supermini, và thêm 107 cửa hàng ĐMX chuẩn/mini mới so với cuối năm ngoái do cả mở mới và chuyển đổi từ cửa hàng TGDĐ).
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX) thêm 711 điểm bán, nâng tổng số cửa hàng BHX lên 1.719
- Chuỗi TGDĐ có 913 cửa hàng, giảm 83 cửa hàng mới so với cuối năm ngoái chủ yếu do chuyển đổi sang cửa hàng ĐMX.
- Chuỗi Bluetronics có 37 siêu thị tại Campuchia.
- Chuỗi An Khang có 68 nhà thuốc (trong đó, có 53 cửa hàng được sắp xếp đi cùng với mô hình BHX diện tích lớn).

Biên lợi nhuận gộp đạt 22,1% (+3% so với năm 2019) và là mức cao nhất từ trước tới nay. Biên lợi nhuận gộp của hầu hết các ngành hàng chính được cải thiện nhờ Công ty:

- Chủ động đa dạng hóa danh mục sản phẩm (bao gồm cả nhãn hàng riêng, sản phẩm nhập khẩu trực tiếp và sản phẩm độc quyền phân phối) với nhiều thương hiệu và các phân khúc giá khác nhau để khách hàng dễ lựa chọn;
- Tập trung đẩy mạnh doanh số các sản phẩm có biên lợi nhuận tốt;
- Cải thiện các điều khoản thương mại với nhà cung cấp do lợi thế quy mô doanh thu ngày càng lớn.

Biên lợi nhuận ròng được bảo vệ ở mức 3,6%, thấp hơn mức 3,8% năm 2019 do.

- Đóng góp của chuỗi bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng (BHX) trong tổng doanh thu của MWG gia tăng đáng kể từ hơn 10% năm 2019 lên khoảng 20% năm 2020 trong khi mảng kinh doanh này vẫn chưa mang lại lợi nhuận. Tuy nhiên, đây lại là động lực chính giúp Công ty tiếp tục tăng trưởng doanh số dương trong bối cảnh sức cầu tiêu thụ yếu đối với các sản phẩm công nghệ và điện tử tiêu dùng do thu nhập khả dụng của người dân bị sụt giảm.
- Sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tại Việt Nam, trong 6 tháng cuối năm 2020, MWG đã triển khai mở rộng mạng lưới mạnh mẽ, liên tục thử nghiệm các mô hình mới, tăng cường sức mạnh cho đội ngũ mua hàng, đầu tư cho hệ thống kho vận và các nền tảng hỗ trợ vận hành. Việc này đã tác động ngắn hạn tới biên lợi nhuận ròng do làm tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhưng là sự đầu tư cần thiết giúp Công ty quay lại đà tăng trưởng nhanh, phát triển dài hạn và bền vững trong tương lai.

BGD và toàn thể nhân viên tiếp tục đồng thuận và mạnh mẽ sống với văn hoá Đặt Khách Hàng Là Trọng Tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, đem đến cho khách hàng trải nghiệm và dịch vụ vượt trội.

Vinh dự nhận được ghi nhận từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như:

- Lần đầu tiên lọt vào Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500, sánh vai cùng các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp nhà nước hàng đầu.
- Là công ty Việt Nam duy nhất góp mặt trong Top 100 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương (Top 100 Retailers in Asia – Pacific).
- Quán quân trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2020 do Tạp Chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh.
- Lần thứ 6 liên tiếp kể từ khi niêm yết trên sàn chứng khoán, được vinh danh trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam của Tạp chí Forbes.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2020:

Chi tiết Báo cáo tài chính 2020 đã được đăng tải trên website của Công ty: www.mwgv.vn

Chỉ tiêu	Thực tế 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2020 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2019	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	108.546	110.000	98,7%	102.174	6,2%
Lợi nhuận trước thuế	5.410			5.053	7,5%
Lợi nhuận sau thuế	3.920	3.450	113,6%	3.836	2,2%
Tồn kho	19.422			25.745	-24,6%
Tài sản ngắn hạn khác	17.895			9.266	+93,1%
Tài sản dài hạn	8.714			6.696	+30,1%
Tổng tài sản	46.031			41.708	+10,4%
Phải trả người bán	8.728			12.055	-27,6%
Nợ ngắn hạn khác	20.694			16.387	+26,3%
Vốn chủ sở hữu	15.482			12.144	+27,5%
Nợ dài hạn khác	1.127			1.122	+0,4%
Tổng nguồn vốn	46.031			41.708	+10,4%

2. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2020, Công ty không có nhiều thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

- Tổng tài sản của MWG tại thời điểm cuối năm 2020 tăng trưởng 10% so với cùng kỳ năm 2019 đạt hơn 46.100 tỷ đồng chủ yếu nhờ lợi nhuận giữ lại trong năm 2020.
- Tại thời điểm cuối năm 2020, Công ty không có khoản phải thu nào quá hạn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Tình hình nợ phải trả

- Tổng khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty vào cuối năm 2020 tăng hơn 18% so với cuối năm 2019 đạt hơn 16.700 tỷ đồng chủ yếu do Công ty tăng khoản vay ngắn hạn 20% so với năm 2019 lên hơn 15.600 tỷ đồng. Việc tăng nợ vay ngắn hạn nhằm tăng dự trữ hàng tồn kho phục vụ mùa mua sắm tết nguyên đán năm 2021.
- Khoản vay dài hạn của Công ty vẫn ổn định ở mức hơn 1.100 tỷ đồng. Đây là khoản trái phiếu Công ty đã phát hành vào cuối năm 2017 với lãi suất trung bình 6,55%/năm và sẽ đáo hạn vào tháng 11 năm 2022.
- Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn nào và ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không đáng kể.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐVT: Tỷ đồng	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021 so với thực hiện 2020
Doanh thu thuần hợp nhất	125.000	108.546	115%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	4.750	3.920	121%

Năm 2021, Ban Lãnh Đạo nhận định thị trường còn nhiều rủi ro tiềm ẩn do tình hình dịch Covid chưa hoàn toàn chấm dứt. Tuy nhiên, MWG quyết tâm trở lại đà tăng trưởng hai chữ số mặc dù không có nền so sánh thấp trong năm 2020 như các doanh nghiệp cùng ngành.

TGDD & ĐMX sẽ triển khai mạnh mẽ mô hình Điện Máy Xanh Supermini (ĐMS) với mục tiêu 1.000 cửa hàng trên toàn quốc vào cuối năm 2021. Hoạt động kinh doanh bán lẻ thiết bị di động và điện máy vẫn là trụ cột mang lại dòng tiền chính cho Công ty và kỳ vọng đóng góp khoảng 75% tổng doanh số của MWG.

Ngành hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu dự kiến tiếp tục tăng trưởng nhanh và giúp BHX nâng tỷ trọng đóng góp trong tổng doanh thu của MWG lên khoảng 25% năm 2021. Những mục tiêu quan trọng nhất của BHX trong năm nay là:

- tăng độ phủ tại những thị trường hiện hữu hướng đến vận hành khoảng 2.000 cửa hàng cuối 2021,
- tập trung mở rộng mô hình cửa hàng diện tích lớn tại khu vực đô thị ở các tỉnh miền Nam,
- gia tăng hiệu quả mua hàng tươi sống địa phương để phục vụ tốt hơn khách hàng vùng nông thôn,
- đa dạng hóa nguồn cung cấp để khách hàng có nhiều lựa chọn tốt “phù hợp túi tiền” và cải thiện biên lợi nhuận gộp,
- có lời EBITDA (đã bao gồm tất cả chi phí khác nhưng chưa bao gồm khấu hao) ở cấp độ cả công ty vào cuối năm.

Công ty cũng sẽ tập trung đầu tư vào kênh bán hàng online để phục vụ mọi nhóm khách hàng từ khách hàng quan tâm đến dịch vụ vượt trội đến khách hàng quan tâm đến giá rẻ; phát triển chuỗi Bluetronics tại Campuchia, mô hình nuôi trồng nông sản sạch 4KFarm và chuỗi nhà thuốc An Khang.

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Với đặc thù là Công ty bán lẻ, Công ty chú trọng đến các vấn đề liên quan môi trường chính như sau:

- Tiêu thụ năng lượng ở cửa hàng một cách hợp lý, liên tục có những sáng kiến nhằm giảm thiểu lượng năng lượng tiêu thụ.
- Tăng tỷ lệ sử dụng bao bì tự hủy trong toàn bộ chuỗi cửa hàng và có các quy trình chi tiết nhằm giảm thiểu lượng bao bì sử dụng.

Đánh giá liên quan vấn đề người lao động

- Với người lao động, Công ty đã luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với từng vị trí nhân viên.
- Công ty cũng chú trọng hoạt động đào tạo về kiến thức sản phẩm, tay nghề, và các khóa kỹ năng mềm để nâng cao trình độ, bồi dưỡng nhân tài từ cấp nhân viên đến quản lý.
- Công ty đã luôn nỗ lực tăng sự gắn kết của nhân viên, nâng cao chất lượng môi trường làm việc bằng các hoạt động kết nối như chương trình team building, hoạt động chia sẻ - giúp đỡ các đồng đội có hoàn cảnh khó khăn, các sự kiện văn hóa, thể thao do bộ phận Quan hệ lao động tích cực tổ chức thường xuyên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2020, Công ty đã có nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng, trong đó có các hoạt động nổi bật có ý nghĩa đáng kể như:

- Chiến dịch “Com dẻo - Bếp ấm”, trao tặng 10.000 nồi com điện cho đồng bào khó khăn thuộc 40 tỉnh thành cả nước.
- Phối hợp cùng 23 nhãn hàng, phát động chương trình “Tết sẻ chia” trao tặng 1000 tấn gạo cho 50.000 hộ nghèo trên khắp 54 tỉnh thành Việt Nam.
- Đồng hành với LG trao tặng 1,5 tỷ đồng cho tổ chức Operation Smile nhằm giúp các trẻ em hở hàm ếch có cơ hội được phẫu thuật.

V.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh toàn cầu cùng với tình hình thiên tai liên tục diễn ra tại Việt Nam. Bất chấp các khó khăn, MWG tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng 6% doanh thu đạt 108.546 tỷ đồng, và tăng trưởng 2% LNST đạt 3.920 tỷ đồng so với 2019. Đặc biệt trong suốt giai đoạn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, chưa một tháng nào Công ty phải ghi nhận lỗ. Đây là điểm khác biệt lớn của MWG với các doanh nghiệp cùng ngành, thể hiện nền tảng tài chính tốt, sự bền vững, cũng như tinh thần chiến đấu kiên cường của toàn thể nhân viên.

Công ty có nhiều sự thay đổi lớn tích cực và tạo giá trị bền vững cho môi trường và xã hội từ Thế Giới Di Động. Công ty đã đưa ra hành động lớn trong Tầm Nhìn 2030 của MWG là “Đóng góp to lớn vào trách nhiệm xã hội”. Điều này hiện thực hóa bằng các hành động:

- Các chương trình “Tết Sẻ Chia – Trao tặng 1000 Tấn Gạo” trên khắp cả nước, tổ chức các chương trình thiện nguyện khác xuyên suốt năm,
- Các khoản đóng góp vào Quỹ Từ Thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động để giúp các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn.
- Sử dụng 100% bao ny lông thân thiện với môi trường trên tất cả các chuỗi;
- Khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động chạy bộ vì sức khỏe và môi trường xanh;
- Hỗ trợ và chuyển giao công nghệ cho nông dân sản xuất sạch bằng nhà màng, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, không chất tăng trưởng, không chất bảo quản, không sử dụng giống biến đổi gen, ban hành các chính sách hỗ trợ các nông dân khác biệt.
- Ban hành chính sách vận chuyển hiệu quả vừa cắt giảm chi phí vừa giảm khí thải nhà kính trên khắp cả nước.
- Ban hành chính sách nhân sự chặt chẽ vừa bảo vệ sức khỏe nhân viên vừa phát triển, góp phần tham gia vào công tác phòng dịch chung của nhà nước và toàn xã hội.

Công ty rà soát, phân tích và triển khai các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường xuống từng cấp quản lý và nhân viên. Tuy nhiên, hiệu quả từ các hoạt động của Công ty cần nhiều năm để đánh giá và đo lường cho từng chính sách có mang lại hiệu quả hay không. Song song đó, các yếu tố về tác động môi trường, chính sách, xã hội, pháp luật thay đổi liên tục nên Công ty cũng phải liên tục điều chỉnh các chính sách tương ứng phù hợp.

Kết luận chung cho năm 2020, Hội đồng quản trị đánh giá các hoạt động của Công ty có ảnh hưởng tích cực đến môi trường và xã hội và cần được phát huy trong nhiều năm tới.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý của Công ty đã thực hiện nghiêm túc và miễn cán các chỉ đạo và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội đồng quản trị, góp phần thúc đẩy kinh doanh hiệu quả giúp Công ty vượt qua một năm khó khăn do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thiên tai.
- Hội đồng quản trị cho rằng Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý luôn tuân thủ các nguyên tắc quản lý Công ty theo Điều Lệ, Quy Chế Quản Trị Nội Bộ và các quy định pháp luật nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích của Công ty.
- Hội đồng quản trị ghi nhận hành động mạnh mẽ và máu lửa của Ban Giám đốc cùng các nhân sự quản lý quản nỗ lực để tạo ra kết quả kinh doanh đã cam kết.
- Qua các báo cáo của Ban Kiểm Toán Nội Bộ chỉ ra rằng Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý cần bổ sung thêm các chính sách vận hành mới để quản lý rủi ro, tăng cường cải tiến và tối ưu sức lao động, chi phí và nguồn lực khác nhằm đóng góp thêm vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:

- Tập trung đôn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp theo quy chuẩn của một Công ty đại chúng.
- Tiếp tục tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường để lắng nghe kiến nghị của Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành, từ đó HĐQT đưa ra những quyết nghị thiết thực và hiệu quả cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Đức Tài

Đồng sáng lập viên - Thành viên HĐQT

- Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM ngành Tài chính – Kế toán
- Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại Học Viện Quản Trị CFVG
- Lần lượt nắm giữ các vị trí chủ chốt của Công ty như Tài chính kế toán, Kinh doanh tiếp thị, Cung ứng hậu cần, Mở rộng mạng lưới của hàng, Quản lý điều hành chung
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 12.043.298 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 2,657%.



Ông Trần Huy Thanh Tùng

Đồng sáng lập viên - Thành viên HĐQT

- Cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh Tế TP.HCM
- Từng giữ chức vụ Kế toán trưởng, Giám đốc Tài Chính của Công ty từ năm 2007 đến năm 2013
- Trưởng ban kiểm soát của Công ty từ cuối năm 2013 tới tháng 06/2020
- Chủ tịch - Ủy ban Kiểm toán từ tháng 07/2020
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 3.543.515 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,782%.



Ông Trần Kinh Doanh

Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT

- Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM
- Từng giữ nhiều vị trí then chốt trong khối Phát triển kinh doanh từ năm 2007
- Đưa hệ thống thegioididong.com, Điện Máy Xanh có mặt ở 63 tỉnh thành.
- 2013: Thành viên HĐQT
- 2014-09/2018: Tổng Giám Đốc Công ty CP Thế Giới Di Động
- 2018 –nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động
- Hiện ông cũng là Chủ tịch Cty CP Thương Mại Bách Hóa Xanh
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 4.706.520 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 1,038%



Ông Điều Chính Hải Triều

Đồng sáng lập viên - Thành viên HĐQT

- Cử nhân ngành Công Nghệ Thông tin, Đại học Khoa học Tự Nhiên
- Người đặt những nền tảng đầu tiên cho hệ thống Công Nghệ Thông Tin của Công ty.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 3.810.013 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,841%.



Ông Đặng Minh Lược

Giám đốc Nhân Sự - Thành viên HĐQT

- Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM
- Giám đốc Nhân sự Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động từ năm 2007
- Thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 05/2014
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 995.200 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,220%.



Ông Robert Alan Willett

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch Anh
- Cựu Giám đốc Điều Hành BestBuy International.
- Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn cao cấp của Công ty từ tháng 04/2013
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 2.668.808 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,588%.



Ông Thomas Lanyi

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch Áo
- Giám đốc Điều hành CDH Investment Advisory Pte Ltd.
- Chủ tịch Hiệp hội Đầu tư mạo hiểm và Đầu tư vốn cổ phần chưa niêm yết của Singapore (Singapore Venture Capital and Private Equity Association)
- Thành viên HĐQT từ tháng 04/2013.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0%.



Ông Đào Thế Vinh

Thành viên HĐQT

- Cử nhân, Thạc sĩ tại Russian State Hydrometeorological University.
- Đồng sáng lập, Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Cống Vàng.
- Thành viên HĐQT từ tháng 03/2019.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 0 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0%.



Ông Đoàn Văn Hiếu Em

Thành viên HĐQT

- Cử nhân Kế toán tại Đại học Tài Chính – Marketing.
- Gia nhập MWG từ năm 2007 và có hơn 10 năm làm việc tại khối phát triển kinh doanh ngành hàng Điện tử - Viễn thông trước khi được bổ nhiệm lên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động vào tháng 9/2018.
- Thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 03/2019
- Số cổ phần có quyền biểu quyết vào cuối năm 2020: 558.200 cổ phần, tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,123%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty có một tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là Ủy ban Kiểm toán



TRẦN HUY THANH TÙNG

Chủ tịch - Ủy ban Kiểm toán từ tháng 07/2020



ĐIỀU CHÍNH HẢI TRIỀU

Thành viên Ủy ban Kiểm toán từ tháng 07/2020



ĐÀO THẾ VINH

Thành viên Ủy ban Kiểm toán từ tháng 07/2020

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các buổi họp của Hội đồng Quản trị ("HĐQT")

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
01	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	10	100%	
02	Trần Kinh Doanh	Thành viên	10	100%	
03	Điều Chính Hải Triều	Thành viên	10	100%	
04	Robert Willett	Thành viên	10	100%	
05	Thomas Lanyi	Thành viên	10	100%	
06	Đặng Minh Lược	Thành viên	10	100%	
07	Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	10	100%	
08	Đào Thế Vinh	Thành viên	10	100%	
09	Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	06	60%	Từ ngày 06/06/2020 ông bắt đầu làm thành viên HĐQT

(*) Ghi chú: Thành viên độc lập: 3/9, Thành viên không điều hành 2/9

Các thành viên HĐQT của Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 03 thành viên kiêm nhiệm trong Ban Điều Hành, 02 thành viên hội đồng quản trị không điều hành, 03 thành viên hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện nhiệm vụ định hướng, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều Hành như sau:

- Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh của công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám Đốc gửi HĐQT thường kỳ và bất thường.
- Các thành viên không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện việc giám sát qua các báo cáo, chất vấn trực tiếp với Ban Giám Đốc công ty tại các buổi họp HĐQT nhằm đưa ra hướng đi, giải pháp tối ưu nhất để đạt được mục tiêu đã đề ra.
- Việc định hướng, giám sát của HĐQT đã giúp Ban Giám Đốc có những quyết định sáng suốt trong việc điều hành Công ty.
- Định kỳ mỗi quý, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc tổ chức gặp các Nhà đầu tư, các chuyên viên phân tích nhằm công bố kết quả kinh doanh quý đã được kiểm toán và trả lời thẳng thắn các câu hỏi được đặt ra, nâng cao tính công khai, minh bạch của Công ty

Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau với **tỷ lệ thông qua 100%** :

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ/HĐQT-2020	07/01/2020	Thông qua danh sách cán bộ quản lý chủ chốt được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động
02	02/NQ/HĐQT-2020	07/01/2020	Thông qua việc hạn chế chuyển nhượng số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình người lao động của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động và Công ty con
03	03/NQ/HĐQT-2020	07/01/2020	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng Cổ Đông thường niên 2020 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động
04	04/NQ/HĐQT-2020	10/03/2020	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2020
05	05/NQ/HĐQT-2020	13/04/2020	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông tham gia ĐHĐCĐ lần 2
06	06/NQ/HĐQT-2020	19/5/2020	Thông qua kế hoạch kinh doanh cho năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020
07	07/NQ/HĐQT-2020	10/06/2020	Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động và tăng vốn điều lệ các công ty con
08	08/NQ/HĐQT-2020	01/07/2020	Thông qua thành lập Ban Kiểm toán nội bộ (Ủy ban Kiểm toán)

09	09/NQ/HĐQT-2020	28/09/2020	Thông qua tăng vốn điều lệ BHX và chia cổ tức tiền mặt
10	10/NQ/HĐQT-2020	17/11/2020	Thông qua quyết định vay vốn
11	11/NQ/HĐQT-2020	01/12/2020	Thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao Động của Công Ty và các Công Ty con
12	12/NQ/HĐQT-2020	01/12/2020	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao Động của Công Ty và các Công Ty con
13	13/NQ/HĐQT-2020	21/12/2020	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021

Nhờ đó, tập thể Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020 giao phó.

2. BÁO CÁO ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên và cơ cấu của Ủy ban Kiểm toán

Ban kiểm soát có 3 thành viên như sau:

STT	Họ & tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu Công ty
01	Trần Huy Thanh Tùng	Chủ tịch	0,782%
02	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	0,841%
03	Đào Thế Vinh	Thành viên	0%

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán:

Số lượng cuộc họp của Ủy Ban Kiểm toán

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
01	Ông/Mr. Trần Huy Thanh Tùng	06	100%	100%
02	Ông/Mr. Điêu Chính Hải Triều	06	100%	100%
03	Ông/Mr. Đào Thế Vinh	06	100%	100%

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020

- Các nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã triển khai và thực hiện đầy đủ;
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 15% (1.500VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu;
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: MWG đã hoàn tất việc phát hành 13.518.333 cổ phần (tương đương 3% cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành) cho 5.529 người lao động vào tháng 01 và tháng 02/2021;
- Tăng vốn đầu tư cho Chuỗi Bách Hóa Xanh thêm 3.000 tỷ đồng (10/06/2020) tỷ đồng phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh Bách Hóa Xanh.

Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của BGD

- Tuân thủ nghiêm các điều lệ của MWG và pháp luật;
- Tập trung tối ưu doanh thu trên mỗi cửa hàng chuỗi thegiodidong.com, Điện Máy Xanh và Bách Hoá Xanh;
- Cải thiện biên lãi gộp của tất cả các chuỗi;
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu.

Kết luận: HĐQT đã thực hiện hợp lệ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

Giám sát tình hình tài chính

- Ban Kiểm Toán Nội Bộ đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng quan số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đơn vị tính: tỷ đồng)

Báo cáo KQHĐKD	Năm 2020	Năm 2019	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	108.546	102.174	6,2%
Lợi nhuận trước thuế	5.410	5.053	7,1%
Lợi nhuận sau thuế	3.920	3.836	2,2%

Bảng cân đối kế toán	31/12/2020	31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	37.317	35.012
Tài sản dài hạn	8.714	6.696
Tổng tài sản	46.031	41.708

Bảng cân đối kế toán	31/12/2020	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	29.443	28.442
Nợ dài hạn	1.127	1.122
Nợ phải trả	30.549	29.565
Vốn chủ sở hữu	15.482	12.144
Tổng nguồn vốn	46.031	41.708

Công ty đã hoàn thành 99% kế hoạch doanh thu và 114% kế hoạch LNST cả năm.

Giám sát tình hình hoạt động của công ty

■ Hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2020 của Công ty đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động kinh doanh. Ủy ban Kiểm toán đã tham gia các đầy đủ các cuộc họp với Ban giám đốc và các cấp quản lý trực tiếp đánh giá rủi ro cấp Công ty và rủi ro liên quan đến quy trình của các phòng ban cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty.

Các rủi ro chính được Ủy ban Kiểm toán theo dõi bao gồm:

- Rủi ro quy trình kiểm soát và cảnh báo hàng tồn kho cao;
- Rủi ro trong vấn đề tài chính, kế toán;
- Rủi ro về tham nhũng, mất mát;
- Rủi ro an ninh mạng của khối công nghệ thông tin.

■ Hoạt động kiểm tra của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán là cánh tay nối dài của Hội Đồng Quản Trị, có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để thực hiện kiểm toán.

Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy định:

Ủy ban Kiểm toán nhận thấy không có rủi ro trọng yếu trong việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các nhân viên và quản lý Công ty. Trong năm 2020, các phát hiện kiểm toán đã được xác định trách nhiệm và đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân liên quan, giúp nâng cao đáng kể ý thức về tuân thủ của các cấp quản lý và nhân viên. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của Ủy ban Kiểm toán được các khối điều hành trong Công ty triển khai đầy đủ.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

	Mức thù lao thực tế chi trả (VND)
Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	2.139.920.184
Thành viên HĐQT tham gia điều hành	0
Thành viên Ủy ban Kiểm toán	0
Ban Giám đốc	10.517.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
I	Nguyễn Đức Tài						
01	Nguyễn Đức Tài		11.582.178	2,611%	12.043.298	2,657%	Mua
02	Phan Thị Thu Hiền	Vợ	2.453.186	0,553%	1.953.186	0,431%	Bán
II	Trần Kinh Doanh						
01	Trần Kinh Doanh		3.642.290	0,821%	4.706.520	1,038%	Mua
III	Đặng Minh Lượm						
01	Đặng Minh Lượm		960.810	0,217%	995.200	0,220%	Mua
IV	Đoàn Văn Hiếu Em						
01	Đoàn Văn Hiếu Em		381.800	0,086%	558.200	0,213%	Mua
V	Trần Huy Thanh Tùng						
01	Trần Huy Thanh Tùng		6.162.998	1,390%	3.543.515	0,782%	Bán
02	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ	2.131.154	0,480%	2.241.154	0,495%	Mua
01	Trần Huy Đông	Em trai	41.788	0,009%	31.788	0,007%	Bán
VI	Vũ Đăng Linh						
01	Vũ Đăng Linh		330.354	0,074%	386.144	0,085%	Mua
VII	Lý Trần Kim Ngân						
01	Lý Trần Kim Ngân		182.576	0,041%	231.176	0,051%	Mua
VIII	Lê Thị Thu Trang						
01	Lê Thị Thu Trang		0	0%	45.000	0,010%	Mua

Hợp đồng giao dịch với người nội bộ: Không có

Đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty

Nhìn chung, công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định pháp luật, theo điều lệ và quy chế quản trị nội bộ hiện hành, có thể kể đến như:

■ Các nội dung liên quan đến HĐQT:

- ◆ Hội đồng quản trị có tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần, và mỗi thành viên tham gia tối thiểu 3/4 cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm.
- ◆ Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng giám đốc, HĐQT đảm bảo tỷ lệ tối thiểu số thành viên không điều hành, thành viên độc lập.
- ◆ Cơ cấu Hội đồng quản trị có sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.
- ◆ Các nghị quyết HĐQT được công bố công khai trên website quan hệ cổ đông của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh
- ◆ HĐQT có bổ nhiệm nhân sự làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định.
- ◆ Thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm sâu rộng về kế toán, tài chính.

■ Các nội dung liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ

- ◆ Tổ chức ĐHĐCĐ đúng hạn và đảm bảo quy tắc phòng chống dịch theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước.
- ◆ Soạn thảo và công bố đầy đủ tài liệu ĐHĐCĐ song ngữ Việt – Anh.
- ◆ Áp dụng giải pháp CNTT cho phép cổ đông tham dự đại hội và thực hiện biểu quyết từ xa, an toàn và bảo mật.
- ◆ Có hướng dẫn để cổ đông tham gia đóng góp ý kiến về các vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, và bỏ phiếu điện tử thông qua website.
- ◆ Công bố công khai lý lịch của các thành viên ứng cử HĐQT, ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán để cổ đông tham khảo.
- ◆ Đối với mỗi nội dung cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, có công bố kết quả bỏ phiếu bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trắng một cách công khai tại đại hội.
- ◆ Biên bản ĐHĐCĐ ghi nhận chi tiết nội dung hỏi của cổ đông và phản hồi của lãnh đạo công ty.
- ◆ Thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

■ Công tác quan hệ nhà đầu tư

- ◆ Thành lập bộ phận Quan hệ nhà đầu tư và có email liên lạc của bộ phận này là investor@thegioididong.com được công bố công khai để nhà đầu tư có khó khăn, thắc mắc được hỗ trợ kịp thời.
- ◆ Công bố thông tin minh bạch và kịp thời thông qua các báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh hàng tháng.
- ◆ Công bố báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo quản trị mỗi 6 tháng và báo cáo thường niên đúng hạn.
- ◆ Website của công ty được cập nhật đầy đủ hồ sơ thành lập công ty, bản cáo bạch, điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, báo cáo, các thông tin cần công bố định kỳ và bất thường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.
- ◆ Thường xuyên tổ chức các gặp gỡ nhà đầu tư hàng quý bằng hình thức trực tiếp tại văn phòng hoặc thông qua hội nghị trực tuyến.

■ Các chính sách với khách hàng và nhân viên

- ◆ Các chính sách đổi trả hàng hóa, đảm bảo quyền lợi của khách hàng được công bố công khai trên website bán hàng của Công ty.

- ◆ Các thông tin, chính sách về sức khỏe, an toàn, phúc lợi, hoạt động đào tạo và phát triển cá nhân, các quy tắc đạo đức - ứng xử được xây dựng và công bố cho nhân viên trên trang truyền thông nội bộ của Công ty.

Một số nội dung công ty chưa thực hiện được hoặc đã thực hiện nhưng chưa đáp ứng theo thông lệ tốt nhất sẽ được nghiên cứu triển khai và khắc phục như:

- ◆ Chưa đảm bảo cân bằng giới tính trong HĐQT.
- ◆ Chưa có Ủy ban Nhân sự và Ủy ban lương thưởng trực thuộc HĐQT.
- ◆ Chưa lập báo cáo Phát triển Bền vững theo tiêu chuẩn được quốc tế công nhận như GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB..., chưa áp dụng Bộ nguyên tắc Quản trị công ty Việt Nam theo thông lệ tốt nhất (CG Code)...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	93
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	96
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	98
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	100
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	104
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	106
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	109

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại với thương hiệu Thế Giới Di Động, các mặt hàng điện máy với thương hiệu Điện Máy Xanh và các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác với thương hiệu Bách Hóa Xanh.

Trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:



Ông Nguyễn Đức Tài

Chủ tịch



**Ông.
Điều Chính Hải Triều**

Thành viên



**Ông.
Thomas Lanyi**

Thành viên



**Ông.
Trần Kinh Doanh**

Thành viên



**Ông.
Robert Alan Willett**

Thành viên



**Ông.
Đặng Minh Lược**

Thành viên



**Ông.
Đoàn Văn Hiếu Em**

Thành viên



**Ông.
Đào Thế Vinh**

Thành viên



**Ông.
Trần Huy Thanh Tùng**

Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	▶ Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Hữu Hưng	▶ Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020
Bà Đỗ Thị Loan	▶ Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	▶ Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Điều Chính Hải Triều	▶ Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Đào Thế Vinh	▶ Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kinh Doanh	▶ Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trọng	▶ Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	▶ Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 8 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Trần Thanh Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

■ Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.317.233.970.267	35.011.896.908.246
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	7.347.857.397.925	3.115.236.816.468
111	1. Tiền		2.243.274.466.174	2.024.347.938.868
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.104.582.931.751	1.090.888.877.600
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.057.318.821.918	3.137.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	8.057.318.821.918	3.137.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.595.251.018.496	1.815.085.561.979
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	196.394.545.434	262.268.362.817
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	287.913.331.552	195.016.846.986
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	80.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.030.943.141.510	1.357.800.352.176
140	IV. Hàng tồn kho	10	19.422.177.452.674	25.745.428.436.580
141	1. Hàng tồn kho		19.926.363.502.366	26.195.934.673.884
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(504.186.049.692)	(450.506.237.304)

150	V. Tài sản ngắn hạn khác		894.629.279.254	1.199.146.093.219
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	563.786.316.141	487.030.591.956
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		326.091.275.646	709.225.135.972
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.751.687.467	2.890.365.291
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.713.645.982.187	6.696.198.636.637
210	I. Phải thu dài hạn		439.493.257.757	374.563.598.474
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	439.493.257.757	374.563.598.474
220	II. Tài sản cố định		7.294.961.666.136	5.403.776.988.921
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	7.267.319.287.908	5.375.279.172.974
222	<i>Nguyên giá</i>		12.963.311.412.901	9.148.455.989.525
223	<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>		(5.695.992.124.993)	(3.773.176.816.551)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	27.642.378.228	28.497.815.947
228	<i>Nguyên giá</i>		35.811.638.200	34.852.200.200
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(8.169.259.972)	(6.354.384.253)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		132.620.362.470	87.430.438.310
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	132.620.362.470	87.430.438.310
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		52.757.540.273	56.464.479.744
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16	52.757.540.273	56.464.479.744
260	V. Tài sản dài hạn khác		793.813.155.551	773.963.131.188
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	76.720.247.019	104.029.473.910
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	287.349.803.704	178.798.680.331
269	3. Lợi thế thương mại	17	429.743.104.828	491.134.976.947
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.030.879.952.454	41.708.095.544.883

VND

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.549.190.106.022	29.564.503.350.530
310	I. Nợ ngắn hạn		29.422.513.439.369	28.442.366.683.873
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	8.728.168.862.341	12.055.385.483.995
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		86.907.353.149	81.194.129.529
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	634.917.868.176	374.623.269.110
314	4. Phải trả người lao động		533.572.319.767	258.242.266.298
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.191.005.394.514	1.851.966.958.655
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		308.408.475	333.585.179
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	546.045.423.865	717.884.730.756
320	8. Vay ngắn hạn	22	15.625.180.321.924	13.031.015.620.192
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		76.377.369.405	71.690.522.406
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.117.753	30.117.753
330	II. Nợ dài hạn		1.126.676.666.653	1.122.136.666.657
338	1. Vay dài hạn	22	1.126.676.666.653	1.122.136.666.657
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.481.689.846.432	12.143.592.194.353
410	I. Vốn chủ sở hữu		15.481.689.846.432	12.143.592.194.353
411	1. Vốn cổ phần	23.1	4.532.099.870.000	4.435.461.780.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		4.532.099.870.000	4.435.461.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	558.110.430.986	555.206.995.486
414	3. Vốn khác	23.1	-	1.130.494.084
415	4. Cổ phiếu quỹ	23.1	(6.040.930.000)	(5.658.924.500)

417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.1	(1.443.756.225)	(28.377.933)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	10.389.683.597.845	7.149.694.161.602
421a	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>		6.470.785.320.602	3.315.424.614.555
421b	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>		3.918.898.277.243	3.834.269.547.047
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.280.633.826	7.786.065.614
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.030.879.952.454	41.708.095.544.883


 Lý Trần Kim Ngân
 Người lập


 Vũ Đăng Linh
 Giám đốc Tài chính


 Trần Kinh Doanh
 Tổng Giám đốc



Ngày 8 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

■ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	109.801.253.690.656	103.485.046.672.447
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(1.255.234.025.244)	(1.310.802.695.724)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	108.546.019.665.412	102.174.243.976.723
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(84.591.522.392.949)	(82.686.444.673.012)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.954.497.272.463	19.487.799.303.711
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	794.121.782.667	631.177.854.351
22	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(594.151.513.751) (594.003.821.021)	(569.754.844.844) (568.136.717.134)
23	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	15	(3.706.939.471)	(3.473.283.371)
25	9. Chi phí bán hàng	26, 27	(15.333.798.830.787)	(12.437.282.718.212)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 27	(3.404.431.838.167)	(2.073.782.880.058)

30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.412.529.932.954	5.034.683.431.577
31	12. Thu nhập khác		43.512.695.471	41.557.041.541
32	13. Chi phí khác		(46.307.221.072)	(22.793.268.422)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.794.525.601)	18.763.773.119
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		5.409.735.407.353	5.053.447.204.696
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(1.598.413.821.219)	(1.248.353.081.834)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	108.551.123.373	31.145.964.165
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.919.872.709.507	3.836.240.087.027
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.917.767.783.159	3.834.269.547.047
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.104.926.348	1.970.539.980
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	8.654	8.665
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	8.654	8.665


 Lý Trần Kim Ngân
 Người lập


 Vũ Đăng Linh
 Giám đốc Tài chính


 Trần Kinh Doanh
 Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

■ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán		5.409.735.407.353	5.053.447.204.696
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 17	2.195.583.071.035	1.442.826.938.954
03	Các khoản dự phòng		58.366.659.387	90.495.782.206
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(36.874.578)	(27.160.364)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(557.627.148.536)	(341.194.613.832)
06	Chi phí lãi vay	25	594.003.821.021	568.136.717.134
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.700.024.935.682	6.813.684.868.794
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		850.493.238.036	(675.979.882.201)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		6.269.571.171.518	(8.374.797.030.131)

11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.894.206.905.085)	2.823.942.311.184
12	Tăng chi phí trả trước		(75.119.169.600)	(227.805.034.461)
14	Tiền lãi vay đã trả		(563.748.612.045)	(537.997.464.046)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(1.494.585.439.732)	(1.092.128.547.184)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(15.000.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		10.792.429.218.774	(1.286.080.778.045)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(3.911.358.160.002)	(3.066.921.164.140)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.018.075.304	1.290.807.344
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(11.512.468.958.904)	(8.997.469.863.015)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		6.512.150.136.986	5.911.392.314.754
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		335.398.013.989	278.946.264.804
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(8.574.260.892.627)	(5.872.761.640.253)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp của cổ đông không kiểm soát		105.200.450.000	90.454.820.000
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(6.040.930.000)	(4.850.060.000)
33	Tiền thu từ đi vay		51.168.161.383.884	45.905.952.301.242
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(48.573.996.682.152)	(38.801.961.791.867)

36	Cổ tức đã trả	23.2	(678.908.841.000)	(665.093.453.185)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.014.415.380.732	6.524.501.816.190
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.232.583.706.879	(634.340.602.108)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.115.236.816.468	3.749.550.258.212
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.874.578	27.160.364
70	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	7.347.857.397.925	3.115.236.816.468

 _____ Lý Trần Kim Ngân Người lập	 _____ Vũ Đăng Linh Giám đốc Tài chính	 _____ Trần Kinh Doanh Tổng Giám đốc
--	---	--



Ngày 8 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

■ Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành, sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại với thương hiệu Thế Giới Di Động, các mặt hàng điện máy với thương hiệu Điện Máy Xanh và các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác với thương hiệu Bách Hóa Xanh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 68.097 (ngày 30 tháng 12 năm 2019 là 57.608).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có 6 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty :

STT	Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và tỉ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động Trụ sở: Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	99,95
2	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh Trụ sở: Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm		99,95	99,95
3	Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh Trụ sở: Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử		99,33	99,33
4	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động Trụ sở: Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ thông tin		100,00	100,00
5	MWG (Cambodia) Co., Ltd Trụ sở: PhnômPênh, Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử		99,95	99,95
6	Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm Trụ sở: Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị		99,95	99,95

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

2.3 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và máy tính xách tay	Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị kỹ thuật số điện tử	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Phụ kiện	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thực phẩm khô, thực phẩm tươi sống, nước uống và hàng tiêu dùng	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

3.7 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.10 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

3.14 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.15 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan, các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng, phụ kiện có liên quan các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

3.21 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	545.492.937.425	690.431.092.521
Tiền gửi ngân hàng	1.638.348.546.421	1.274.493.571.437
Tiền đang chuyển	59.432.982.328	59.423.274.910
Các khoản tương đương tiền (*)	5.104.582.931.751	1.090.888.877.600
TỔNG CỘNG	7.347.857.397.925	3.115.236.816.468

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi và trái phiếu ngắn hạn có kỳ hạn từ ba 3 tháng đến một 1 năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 6%/năm đến 8,65%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	194.675.413.326	260.783.205.179
• Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	64.487.620.528	125.939.442.577
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	44.762.912.544	23.185.634.606
• Khác	85.424.880.254	111.658.127.996
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.719.132.108	1.485.157.638
TỔNG CỘNG	196.394.545.434	262.268.362.817

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	76.841.085.674	54.942.025.774
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Kim Xu	31.197.313.644	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Công Nghệ Số	18.938.482.906	26.711.078.199
Công ty TNHH MTV HGTV	-	24.137.253.846
Khác	160.936.449.328	89.226.489.167
TỔNG CỘNG	287.913.331.552	195.016.846.986

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay thể hiện khoản cho công ty liên kết vay tín chấp, vô thời hạn, với lãi suất 6,5%/năm (Thuyết minh số 30).

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	647.285.977.095	1.241.677.377.485
• Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	66.310.465.706	127.603.956.038
• Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	55.036.409.639	162.039.890.707
• Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	43.563.581.572	209.669.080.322
• Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	23.027.729.813	157.552.930.802
• Công ty TNHH Samsung Điện tử Việt Nam Thái Nguyên	6.694.236.506	122.646.595.872
• Khác	452.653.553.859	462.164.923.744
Phải thu lãi tiền gửi	317.227.458.614	85.203.204.107
Tạm ứng cho nhân viên	30.006.876.759	12.571.421.526
Phải thu từ nhân viên	9.480.019.353	4.280.229.843
Khác	26.942.809.689	14.068.119.215
TỔNG CỘNG	1.030.943.141.510	1.357.800.352.176

Trong đó:		
• Phải thu bên khác	1.030.092.008.365	1.357.503.412.461
• Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	851.133.145	296.939.715

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị điện tử	7.035.029.162.732	11.231.685.060.829
Điện thoại di động	3.509.770.054.002	7.227.058.678.320
Thiết bị gia dụng	3.042.921.583.614	2.918.296.843.508
Thực phẩm khô, thực phẩm tươi sống, các loại nước uống và hàng tiêu dùng	2.134.524.071.196	1.160.591.043.309
Phụ kiện	1.695.916.652.725	1.349.126.486.481
Hóa mỹ phẩm	1.032.820.436.927	478.473.185.981
Đồng hồ, mắt kính	528.292.841.105	573.950.618.899
Máy tính xách tay	489.281.745.343	786.555.617.315
Vật tư lắp đặt	252.039.415.472	146.113.590.466
Máy tính bảng	108.365.904.899	181.539.686.893
Thẻ cào	16.831.033.109	19.100.171.315
Hàng đang chuyển	16.379.211.128	5.813.877.959
Hàng hóa khác	64.191.390.114	117.629.812.609
TỔNG CỘNG	19.926.363.502.366	26.195.934.673.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(504.186.049.692)	(450.506.237.304)
GIÁ TRỊ THUẦN	19.422.177.452.674	25.745.428.436.580

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(450.506.237.304)	(375.132.344.772)
• Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(504.186.049.692)	(450.506.237.304)
• Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	450.506.237.304	375.132.344.772
Số dư cuối năm	(504.186.049.692)	(450.506.237.304)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	563.786.316.141	487.030.591.956
Chi phí thuê cửa hàng	368.921.313.527	346.004.531.282
Công cụ, dụng cụ	172.478.798.117	116.779.961.364
Chi phí thiết kế cửa hàng	8.321.608.298	6.407.849.650
Khác	14.064.596.199	17.838.249.660
Dài hạn	76.720.247.019	104.029.473.910
Chi phí thuê cửa hàng	31.997.664.982	48.175.101.674
Công cụ, dụng cụ	26.850.139.499	28.177.896.281
Chi phí thiết kế cửa hàng	4.417.928.401	12.681.905.344
Khác	13.454.514.137	14.994.570.611
TỔNG CỘNG	640.506.563.160	591.060.065.866

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ dài hạn của văn phòng, cửa hàng và trung tâm phân phối.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.554.468.507.754	279.065.675.334	1.314.921.806.437	9.148.455.989.525
Mua trong năm	3.252.273.992.217	150.070.403.810	604.326.046.165	4.006.670.442.192
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.559.191.203	-	-	29.559.191.203
Thanh lý	(202.576.459.562)	(1.945.306.173)	(16.852.444.284)	(221.374.210.019)
Số cuối năm	10.633.725.231.612	427.190.772.971	1.902.395.408.318	12.963.311.412.901
<i>Trong đó: - Đã khấu hao hết</i>	968.917.361.278	8.819.869.883	398.315.262.852	1.376.052.494.013
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(3.034.733.032.729)	(93.576.272.174)	(644.867.511.648)	(3.773.176.816.551)
Khấu hao trong năm	(1.748.996.130.895)	(58.760.079.853)	(324.620.112.449)	(2.132.376.323.197)
Thanh lý	192.033.052.736	1.945.306.173	15.582.655.846	209.561.014.755
Số cuối năm	(4.591.696.110.888)	(150.391.045.854)	(953.904.968.251)	(5.695.992.124.993)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.519.735.475.025	185.489.403.160	670.054.294.789	5.375.279.172.974
Số cuối năm	6.042.029.120.724	276.799.727.117	948.490.440.067	7.267.319.287.908

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.998.878.500	8.853.321.700	34.852.200.200
Mua trong năm	-	959.438.000	959.438.000
Số cuối năm	25.998.878.500	9.812.759.700	35.811.638.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(6.354.384.253)	(6.354.384.253)
Hao mòn trong năm	-	(1.814.875.719)	(1.814.875.719)
Số cuối năm	-	(8.169.259.972)	(8.169.259.972)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.998.878.500	2.498.937.447	28.497.815.947
Số cuối năm	25.998.878.500	1.643.499.728	27.642.378.228

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cửa hàng, trung tâm phân phối	132.620.362.470	83.674.549.223
Khác	-	3.755.889.087
TỔNG CỘNG	132.620.362.470	87.430.438.310

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

VND

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm và số cuối năm	62.038.750.000
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết	
Số đầu năm	(5.574.270.256)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(3.706.939.471)
Số cuối năm	(9.281.209.727)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	56.464.479.744
Số cuối năm	52.757.540.273

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang ("An Khang") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314587300 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang trong năm là bán lẻ được phẩm.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	613.918.721.185
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	(122.783.744.238)
Phân bổ trong năm	(61.391.872.119)
Số cuối năm	(184.175.616.357)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	491.134.976.947
Số cuối năm	429.743.104.828

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	469.835.397.491	839.166.842.803
Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	456.130.283.432	685.230.199.781
Công ty Cổ phần Thế Giới Số	349.920.968.335	154.690.135.414
Công ty Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	315.938.290.305	1.281.985.861.314
Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam	291.363.156.495	366.017.279.973
Công ty TNHH Apple Việt Nam	173.238.034.888	611.058.833.000
Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	77.299.342.622	1.223.262.408.476
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Vietnam)	24.185.212.312	65.113.755.089
Khác	6.570.258.176.461	6.828.860.168.145
TỔNG CỘNG	8.728.168.862.341	12.055.385.483.995

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	347.366.892.884	1.598.413.821.219	(1.494.585.439.732)	451.195.274.371
Thuế giá trị gia tăng	3.959.293.725	15.074.685.974.039	(14.986.262.564.387)	92.382.703.377
Thuế thu nhập cá nhân	22.293.550.887	508.235.936.154	(441.285.042.848)	89.244.444.193
Khác	1.003.531.614	29.689.565.564	(28.597.650.943)	2.095.446.235
Giá trị còn lại	374.623.269.110	17.211.025.296.976	(16.950.730.697.910)	634.917.868.176

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	2.558.010.028.648	1.381.629.784.303
Chi phí hỗ trợ lãi suất	201.989.058.834	84.002.927.200
Các khoản phải trả nhân viên	116.358.990.136	115.429.735.544
Chi phí tiếp thị quảng cáo	85.853.398.026	75.405.852.278
Chi phí tiện ích	57.052.892.341	49.473.623.652
Chi phí vận chuyển	53.714.832.224	56.517.465.115
Lãi vay phải trả	48.376.534.398	48.333.997.724
Chi phí sửa chữa bảo hành	18.615.267.976	18.812.667.951
Khác	51.034.391.931	22.360.904.888
TỔNG CỘNG	3.191.005.394.514	1.851.966.958.655

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ cước phí	338.319.676.064	439.435.994.167
Nhận ký quỹ	67.277.822.070	56.386.635.126
Phiếu mua hàng	52.813.040.482	28.214.097.975
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	47.782.337.888	33.962.017.460
Thu hộ tiền trả góp	13.041.406.433	32.522.239.000
Nhận trước tiền phát hành cổ phiếu	-	85.719.580.000
Khác	26.811.140.928	41.644.167.028
TỔNG CỘNG	546.045.423.865	717.884.730.756
Trong đó:		
• Phải trả bên khác	544.010.710.433	714.304.603.481
• Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.034.713.432	3.580.127.275

22. VAY

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	13.031.015.620.192	51.168.161.383.884	(48.573.996.682.152)	15.625.180.321.924
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	13.031.015.620.192	51.168.161.383.884	(48.573.996.682.152)	15.625.180.321.924
Vay dài hạn	1.122.136.666.657	4.539.999.996	-	1.126.676.666.653
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 22.2)	1.122.136.666.657	4.539.999.996	-	1.126.676.666.653
TỔNG CỘNG	14.153.152.286.849	51.172.701.383.880	(48.573.996.682.152)	16.751.856.988.577

22.1 VAY NGẮN HẠN NGÂN HÀNG

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore	2.284.342.688.936	Từ 06/01/2021 đến 04/03/2021
Tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui	1.803.800.919.022	Từ 04/01/2021 đến 31/03/2021
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Singapore)	1.318.281.083.942	Từ 13/01/2021 đến 31/03/2021
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hà Nội	1.278.011.533.025	Từ 07/01/2021 đến 31/03/2021
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.249.347.371.717	Từ 15/01/2021 đến 31/03/2021
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam	1.183.077.127.009	Từ 09/03/2021 đến 31/03/2021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	849.092.786.267	Từ 09/02/2021 đến 25/03/2021
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	841.619.543.481	Từ 22/01/2021 đến 21/06/2021
Ngân hàng Citibank N.A – Chi nhánh Hà Nội	800.261.151.082	Từ 11/01/2021 đến 25/03/2021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	772.972.011.941	Từ 27/01/2021 đến 31/03/2021
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh HCM	645.902.367.282	Từ 04/01/2021 đến 01/03/2021
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hồ Chí Minh	571.187.530.140	Từ 04/01/2021 đến 25/03/2021
Ngân hàng DBS Bank Ltd. – Chi nhánh Hồ Chí Minh	520.253.740.159	Từ 19/01/2021 đến 18/03/2021
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	458.686.694.052	Từ 29/01/2021 đến 19/02/2021
Ngân hàng Standard Chartered (Singapore)	378.035.807.556	Từ 08/01/2021 đến 29/03/2021
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam), Singapore	187.199.612.690	Ngày 26/02/2021
Ngân hàng United Overseas – Chi nhánh Hồ Chí Minh	167.985.101.869	Từ 27/01/2021 đến 01/02/2021
Ngân hàng Malayan Berhad Việt Nam	155.698.101.965	Từ 18/02/2021 đến 16/04/2021
Ngân hàng Malayan Berhad – Chi nhánh Labuan	122.690.346.111	Từ 17/02/2021 đến 15/04/2021
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam	36.734.803.678	Từ 03/02/2021 đến 05/02/2021
TỔNG CỘNG	15.625.180.321.924	

22.2 TRÁI PHIẾU THƯỜNG TRONG NƯỚC

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước như sau:

Trái chủ	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	480.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022	Bổ sung nhu cầu vốn kinh doanh	Tín chấp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.323.333.347)				
TỔNG CỘNG	1.126.676.666.653				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC							
Số đầu năm	4.434.961.780.000	551.451.995.486	(808.864.500)	446.572.898	3.989.603.910.055	1.130.494.084	8.976.785.888.023
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.834.269.547.047	-	3.834.269.547.047
Phát hành cổ phiếu	500.000.000	3.755.000.000	-	-	-	-	4.255.000.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(474.950.831)	-	-	(474.950.831)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(4.850.060.000)	-	-	-	(4.850.060.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(664.179.295.500)	-	(664.179.295.500)
Số cuối năm	4.435.461.780.000	555.206.995.486	(5.658.924.500)	(28.377.933)	7.149.694.161.602	1.130.494.084	12.135.806.128.739
NĂM NAY							
Số đầu năm	4.435.461.780.000	555.206.995.486	(5.658.924.500)	(28.377.933)	7.149.694.161.602	1.130.494.084	12.135.806.128.739
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.917.767.783.159	-	3.917.767.783.159
Phát hành cổ phiếu (*)	96.638.090.000	2.903.435.500	5.658.924.500	-	-	-	105.200.450.000
Phân loại lại	-	-	-	-	1.130.494.084	(1.130.494.084)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.415.378.292)	-	-	(1.415.378.292)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(6.040.930.000)	-	-	-	(6.040.930.000)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(678.908.841.000)	-	(678.908.841.000)
Số cuối năm	4.532.099.870.000	558.110.430.986	(6.040.930.000)	(1.443.756.225)	10.389.683.597.845	-	15.472.409.212.606

(*) Vào ngày 6 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.520.045 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc sử dụng 856.236 cổ phiếu quỹ (giá gốc bình quân là 6.609 VND/cổ phiếu) và phát hành 9.663.809 cổ phiếu mới theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2019/NQĐHĐCD/TGĐĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2019/NQ/HĐQT-2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2019/NQ/HĐQT-2019 ngày 27 tháng 11 năm 2019. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.435.461.780.000 VND lên 4.532.099.870.000 VND. Vào ngày 12 tháng 2 năm 2020, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố bằng tiền với tổng giá trị là 678.908.841.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01_2020/NQĐHĐCD/TGĐĐ ngày 6 tháng 6 năm 2020 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ/HĐQT-2020 ngày 28 tháng 9 năm 2020.

23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
Vốn góp tăng trong năm	96.638.090.000	500.000.000
Số cuối năm	4.532.099.870.000	4.435.461.780.000
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	678.908.841.000	664.179.295.500

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23.3 CỔ PHIẾU - CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	453.209.987	443.546.178
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ • <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	453.209.987	443.546.178
Cổ phiếu quỹ • <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(604.093)	(856.236)
Cổ phiếu đang lưu hành • <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	452.605.894	442.689.942

24. DOANH THU

24.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng doanh thu	109.801.253.690.656	103.485.046.672.447
Trong đó:		
• <i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>109.090.866.579.358</i>	<i>102.690.897.379.315</i>
• <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>710.387.111.298</i>	<i>794.149.293.132</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.255.234.025.244)	(1.310.802.695.724)
Trong đó:		
• <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.255.234.025.244)</i>	<i>(1.310.802.695.724)</i>
Doanh thu thuần	108.546.019.665.412	102.174.243.976.723

24.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	567.422.268.496	343.579.024.388
Chiết khấu thanh toán	226.364.144.496	287.234.164.431
Lãi chênh lệch tỷ giá	335.369.675	364.665.532
TỔNG CỘNG	794.121.782.667	631.177.854.351

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	594.003.821.021	568.136.717.134
Lỗi chênh lệch tỷ giá	59.418.874	35.984.155
Khác	88.273.856	1.582.143.555
TỔNG CỘNG	594.151.513.751	569.754.844.844

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	15.333.798.830.787	12.437.282.718.212
Chi phí nhân viên	7.196.997.006.794	5.992.577.221.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.012.617.628.367	4.398.088.620.950
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.086.784.686.604	1.342.071.614.509
Khác	1.037.399.509.022	704.545.260.775
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.404.431.838.167	2.073.782.880.058
Chi phí nhân viên	2.829.486.255.030	1.936.515.635.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.261.509.728	19.528.015.330
Chi phí khấu hao và hao mòn	64.588.564.350	97.929.264.392
Khác	131.095.509.059	19.809.965.019
TỔNG CỘNG	18.738.230.668.954	14.511.065.598.270

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	84.591.522.392.949	82.686.444.673.012
Chi phí nhân công	10.026.483.261.824	7.929.092.857.295
Chi phí khấu hao, hao mòn (Thuyết minh số 13, 14 và 17)	2.195.583.071.035	1.442.826.938.954
Chi phí khác	6.516.164.336.095	5.139.145.802.021
TỔNG CỘNG	103.329.753.061.903	97.197.510.271.282

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế; ngoại trừ

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động ("CNTT TGDD"), công ty con của Công ty là 10% thu nhập chịu thuế trong mười lăm (15) năm áp dụng đối với thu nhập của dự án đầu tư mới tại Khu Công nghệ cao và áp dụng mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. CNTT TGDD được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031). Đối với hoạt động khác, thuế suất TNDN bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.586.422.958.279	1.248.226.781.874
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	11.990.862.940	126.299.960
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(108.551.123.373)	(31.145.964.165)
Thu hộ tiền trả góp	1.489.862.697.846	1.217.207.117.669

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.409.735.407.353	5.053.447.204.696
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.081.947.081.471	1.010.689.440.939
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi từ các công ty con	382.306.850.793	207.512.389.408
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	19.129.371.179	4.838.942.989
Phân bổ lợi thế thương mại	12.278.374.424	12.278.374.424
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	11.990.862.940	126.299.960
Lợi nhuận từ công ty liên kết	741.387.894	694.656.674
Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước	(2.416.517.065)	(2.042.981.573)
Thuế TNDN được miễn giảm	(16.114.713.790)	(16.890.005.152)
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.489.862.697.846	1.217.207.117.669

28.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	128.839.652.100	74.364.760.471	54.474.891.629	11.154.159.571
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	100.837.209.938	90.101.247.456	10.735.962.482	15.074.778.502
Lợi nhuận chưa thực hiện	42.404.842.716	-	42.404.842.716	-
Dự phòng chi phí bảo hành	15.275.473.866	14.338.104.477	937.369.389	3.024.377.931
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(7.374.916)	(5.432.073)	(1.942.843)	(3.363.338)
Khác	-	-	-	1.896.011.499
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	287.349.803.704	178.798.680.331		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			108.551.123.373	31.145.964.165

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	3.917.767.783.159	3.834.269.547.047
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	452.705.975	442.482.496
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	8.654	8.665

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Cho vay	80.000.000.000	-
		Bán hàng hóa	3.721.485.234	3.669.558.297
		Mua hàng hóa	687.716.213	250.613.890
		Cung cấp dịch vụ	399.755.000	347.892.772
		Lãi cho vay	968.589.041	-
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.139.920.184	2.146.976.781
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thành Phát	Đồng quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	-	17.562.316.948

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	1.719.132.108	1.485.157.638
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Chi hộ	415.139.868	296.939.715
		Lãi cho vay	383.232.877	-
		Khác	52.760.400	-
TỔNG CỘNG			851.133.145	296.939.715
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Cho vay	80.000.000.000	Bán hàng hóa
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Chi hộ	2.034.713.432	3.580.127.275

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

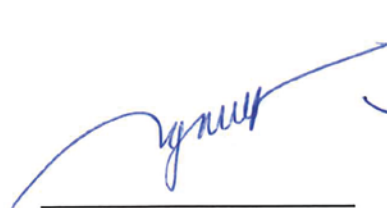
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.048.728.202.432	2.314.846.596.565
Từ 1 đến 5 năm	10.493.295.359.810	7.920.194.732.060
Trên 5 năm	6.077.469.548.506	3.705.993.575.108
TỔNG CỘNG	19.619.493.110.748	13.941.034.903.733

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Phát hành mới cổ phiếu phổ thông theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu

Vào ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.518.333 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc tái phát hành 604.093 cổ phiếu quỹ có giá gốc là 10.000 VND/cổ phiếu và phát hành 12.914.240 cổ phiếu mới theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2020/NQĐHĐCĐ/TGĐĐ ngày 6 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2020/NQ/HĐQT-2020 ngày 1 tháng 12 năm 2020. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.532.099.870.000 VND lên 4.661.242.270.000 VND. Vào ngày 8 tháng 2 năm 2021, Công ty đã nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

 Lý Trần Kim Ngân Người lập	 Vũ Đăng Linh Giám đốc Tài chính	 Trần Kinh Doanh Tổng Giám đốc
--	---	--

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

